

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Hồ Xuân Hương (I)

#### Tiểu sử

Tên húy: Hồ Phi Mai

#### Tác phẩm

Khoảng trăm bài thơ Nôm truyền tụng trong dân gian.



Sách *Giai Nhân Di Mặc*: Hồ Xuân Hương  
(In tại Hà Nội thời Pháp thuộc)

### Mục Lục

Thơ bà Hồ Xuân Hương trong tập *Lưu Hương Ký* – 2

#### Phụ đính I:

Mối tình của nữ sĩ Hồ Xuân Hương với Nguyễn Du  
Tìm hiểu mối tình giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương  
Hồ Xuân Hương bản truyện – Giữa đất trời giao hưởng...  
Những mảnh tình thơ của Hồ Xuân Hương

#### Phụ đính II:

Một thoáng Xuân Hương I  
Một thoáng Xuân Hương II  
Một thoáng Xuân Hương III

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Thơ bà HỒ Xuân Hương trong tập *Lưu Hương Ký*

### Xuân Hương xướng

Bình thủy tương phùng nguyệt dạ tôn  
cương trường phiến phiến thuộc nan ngôn  
Khiêu cầm hữu ý minh hoàng xướng  
Nhiều thụ vô đoan ngữ thước huyền  
Thùy tục già thanh quy hạn khuyết  
Tự tu liên bộ xuất hồ môn  
Bán diên biệt hậu tình đa thiếu  
Mạch mạch không ly Sảnh Nữ hồn

### Cảm cựu kiêm trình Cẩn chánh học sĩ Nguyễn hầu Hầu Nghi Xuân Tiên Điền nhân (1)

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,  
Mượn ai tới đấy gửi cho cùng.  
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,  
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.  
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập,  
Phấn son càng tủi phận long đong.  
Biết còn mấy chút sương siu (2) mấy  
Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong.  
(Lưu Hương Ký)

(1) Nhớ người cũ viết gửi Cẩn chánh học sĩ Nguyễn Hầu. Sau đầu đề trên, tác giả có chú: "Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền nhân" - "Hầu người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân" - Như vậy, ở đây Nguyễn Hầu đúng là Nguyễn Du tiên sinh - Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền ghi rõ mùa hè năm Kỷ Tỵ (1809), Nguyễn Du được bổ làm cai bạ Quảng Bình. Tháng 2 năm Quý Dậu (1813) ông được phong Cẩn chánh điện học sĩ, rồi được cử làm chánh sứ đi Trung Quốc tuế cống.  
(2) Sương siu mây: Từ xưa phiên âm là sương đeo mái. Nay phiên âm theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn.  
sương siu = vấn vương

### Nguyệt dạ Ca

Nguyệt như châu hề, lộ như sai  
Thúc vãng lai hề, chiếu dư hoài  
Uyển cổ nhân hề, thiên nhai  
Ái bất kiến hề, tâm bồi hồi...  
Đài hoang Thần nữ miếu  
Vân tán Sở vương đài  
Minh nguyệt quang như thử  
Ngã tư nhân chi hề, yên tại tai.

### Đêm thu nhớ Mai Sơn Phủ

Lá ngọc chiều thu giận hẳn du  
Tuần trăng sẽ nhớ bữa đêm thu.  
Bên am Nhất Trụ trông còn đấy,  
Ngọn nước Tam Kỳ chảy lại đâu (1)  
Sơn phấn trộm mừng duyên để lại,  
Bèo mây thêm tủi phận về sau.  
Trăm năm biết có duyên thừa nữa,  
Cũng đổ tay tơ cũng trắng đầu.

1. Nguyên chú: "Đã giải kết đưa tình" Giải kết, theo Đào Duy Anh, là: "Cởi mối tình kết buộc với nhau". Còn giải kết đưa tình là gì? Chưa rõ lắm.

### Lời thề từ cảm xúc

Mười mấy năm trời một chữ tình  
Duyên tơ này đã sẵn đầu đành  
Mái mây cắt nửa nguyên phu phát  
Giọt máu đầy hai chén tử sinh  
Một kiếp đã tề cùng dạ thắm  
Trăm năm đừng phụ với đầu xanh  
Mai sau lòng chẳng như lời nữa  
Dao búa nguyên xin lụy đến mình.

### Họa lại Thơ Mai Sơn Phủ

Này đoạn chung tình biết mấy nhau,  
Tiền đưa ba bước cũng nên câu.  
Trên tay khép mở tanh chiếu nhận,  
Trước mặt đi về gấp bóng câu.  
Nước mắt trên hoa là lỗi cũ.  
Mùi hương trong nệm cả đêm ngâu.  
Vắng nhau mới biết tình nhau lắm,  
Này đoạn chung tình biết mấy nhau.

### Tự thán

(1)

I

Con bóng đi về chốc bấy nay,  
Chữ duyên nào đã chắc trong tay.  
Nghĩ cùng thể sự lòng như đốt,  
Trông suốt nhân tình dạ muốn say.  
Muôn kiếp biết là duyên trọn vẹn,  
Một đời riêng mấy kiếp chua cay.  
Nỗi mình nỗi bạn dường bao nả,  
Dám hỏi han đâu những có này.

## Tôn Phong Đắc Mộng Chí Dữ Ngã Khan

Tôn Phong đắc mộng chí dữ ngã khan  
nhân thuật ngâm, tịnh ký(1)  
Nhớ ai mà biết nói cùng ai  
Rằng chữ đồng ta quyết một hai.  
Hoa liễu vui đâu mình dễ khéo,  
Non sông dành giả nợ còn dài.  
Chén tình dầu nhẫn lâu mà nhạt  
Giải ước nguyên âu thắm chẳng phai.  
Đầy đoạ duyên trần thôi đã định,  
Xương giang duyên (2) để ngấm tương lai.

## Tự Thán

II

Lần thân đi về mấy độ nay  
Vì đâu đeo đẳng với nơi này  
Ấm trà tiêu khát còn nghe giọng  
Chén rượu mừng xuân dạ thấy say  
Điểm lữ trông chừng mây đạm nhạt  
Dòng thu xem cỡ nước với đầy.  
Thương ai hẳn lại thương lòng lắt  
Này nợ này duyên những thế này.

(1) *Tự than thân.*

## Họa Tôn Phong nguyên vận

(1)

Kiếp này chẳng gặp nữa thì liêu,  
Nhưng chắc trăm năm há bấy nhiêu.  
Nghĩ lại hưởng đau cho phận bạc,  
Nói ra thêm nhẹ với thân bèo.  
Chén thè thừa nợ tay còn dính,  
Món tóc thời xưa cánh vẫn đeo.  
Được lưà tài tình cho xứng đáng,  
Nghìn non muôn nước cũng tìm theo.

(1) *Họa nguyên vận thơ ông Tôn Phong.*

## Tự Tình I

Canh khuya vắng vắng trống canh (1) đồn,  
Trơ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu hương đưa, say lại tỉnh,  
Vầng trăng bóng xế, khuyết chưa tròn.  
Xuyên ngang mặt đất, rêu từng đám,  
đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.  
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,  
Mảnh tình xan xẻ tí con con.

(1) *Trống canh là tiếng trống cầm canh.*

### **Ngụ y Tôn Phong, kí nhị thủ**

(1)

Dồn bước may đâu khéo hẹn hò  
Duyên chi hay bởi nợ chi ru?  
Sương treo (2) áo lục nhồi hơi xạ,  
Gió lọt cành lê lướt mặt hồ.  
Muốn chấp chỉ đào thù trướng gấm,  
Mà đem lá thối thả sông Tô. (3)  
Trong trần mấy kẻ tinh con mắt,  
Biết ngọc mà trao mới kể cho.

II

Đường hoa diu dặt bước đông phong  
Nghĩ kẻ tìm thơm cũng có công,  
Lạ mặt dăm quen cùng gió nước,  
Nặng lòng nên nhẹ đến non sông.  
Da trời nắng nhuộm tươi màu biếc,  
Phòng gấm trắng in dải thức hồng.  
Ai nhớ lấy cho lòng ấy nhỉ,  
Trước năm trăm hãn nợ chi không?

1) Hai bài ngụ ý gửi Tôn Phong thị. Chưa rõ Tôn Phong thị là ai? Chỉ biết ông họ Phan, vì trong Bài tựa có câu: "Phan Mĩ Anh người trong họ tôi" và đó là họ nội. Còn tên, theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn, có lẽ là Huân nghĩa là "Nam Phong" (gió Nam) cũng gọi là Tôn Phong. Nham Giác là tên hiệu Nham Giác phụ là "anh chàng ẩn ở núi nhưng hiểu sự đời".

(2) Có bản phiên âm là xoa.

(3) Sông Tô = Sông Tô Lịch ở Thăng Long - Hà nội.

### **Tự tình II**

Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom (1)  
Oán hận trông ra khắp mọi chòm.  
Mỡ thấm không khua mà cũng cốc. (2)  
Chuông sậu chẳng đánh có sao om? (3)  
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ.  
Sau giận vì duyên để mồm mòm.  
Tài tử văn nhân ai đó tá?

Thân này đâu đã chịu già tom! (4)

(1) Bom: Mỏm đất.

(2) - (3) Mỏ và chuông dùng trong nhà chùa có tác dụng làm nguôi dịu lòng người. Ở đây nhà thơ vận dụng khác. Mỏ thăm, chuông sầu: Tiếng lòng sầu thăm trong đêm khuya vắng lặng không khua không đánh mà vẫn vang lên dữ dội những âm thanh khô khốc, âm ỉ, cốc như mỏ và om như chuông.

(4) Già tom: Như già đanh. Tục ngữ: "Trẻ dôi ra, già co lại".

### **Kể ý mình và trình bạn Mai Sơn Phủ**

Hoa xiêu xiêu  
Cây xiêu xiêu  
Giấc mộng tình quê (1) thấy tịch liêu  
Đêm xuân cảm khái nhiều.

Hương ao ao  
Nhạn ngao ngao  
Vui sướng hẹn nhau một sớm nào  
Tả hết được tình sao!

Sông bát ngát  
Nước ào ạt  
ý thiếp lòng chàng cũng vu khoát  
Lệ rơi thêm mặn chát.

Thơ da diết  
Lòng thâm thiết  
Đậm nhạt tác lòng ai thấu hết  
Liệu bút chàng tả xiết?

Mây lang thang  
Trăng mênh mang  
Trăng gió xui ai luống đoạn tràng  
Đâu là gác Đàng Vương

Mây tơ vương  
Nước như sương  
Mây nước trôi đâu chỉ một đường  
Một đường xa khuất rộn lòng thương

Ngày chậm rì  
Đêm chậm rì  
Sáng tối chạnh buồn lữ khách si  
Nhớ thương đừng lỡ hẹn, sai kì.

Mưa trôi đi  
Gió trôi đi  
Mưa gió giục hoài cất bút thi (thơ)  
Viết thi gửi tới khách "tình si"

Chàng có tâm  
Thiếp có tâm  
Mòng hồn lưu luyến bóng hoa râm  
Thơ cùng ngâm  
Rượu cùng trắng

Tự lúc buồn chia biệt  
Ai người ấm nửa chãng?  
Chớ đàn li khúc oán tri âm,  
Đành xem như hết tiếng dao cằm (2)  
Hẹn nhau nơi non nước muộn mằn!  
Chớ buồn mà than thở cổ câm (kim).

Chàng hẹn gì  
Ta hẹn gì  
Hai ta đều muộn, nói mà chi  
Trà mà chi  
Bút mà chi  
Cũng là thiên lí cả (3)  
Ai là kẻ tình nhi  
Hiểu nhau trong dạ khó khăn gì  
Hãy nên trao gửi mối duyên đi  
Lòng son ai nữ phụ giai kì

(Theo điệu Giang Nam)  
Đ.T.T dịch

(1) Lòng quê là lòng nhớ quê mình. Vây hình như Sơn Phủ đã đi về quê Xuân Hương. Hoặc là người cùng làng, hay cùng huyện chẳng? (Hoàng Xuân Hãn).

(2) Dao cằm: Đàn quý.

(3) Thiên lí: Dịch từ chữ "bút thiết" - bút viết và lời nói Dương Tử nói: "Cuốn sách do bút mà thành. Lời nói do lưỡi mà có. Ta xem "Ngũ thường" là bút và lưỡi của đế vương". Ngũ thường ở đây là các quan hệ: quân thần, phực tử, phu-phụ, huynh đệ, bằng-hữu. Vì thế dịch là thiên lí.

### Tự tình III

Chiếc bách (1) buồn vì phận nổi nênh,  
Giữa giòng ngao ngán nổi lênh đênh.  
Lưng khoang tình nghĩa dường lai láng,  
Nửa mạn phong ba luống bập bênh.  
Cầm lái mặc ai lăm đổ bến,  
Giông lèo thây kẻ rắp xuôi ghênh.  
Ấy ai thăm ván (2) cam lòng vậy,  
Ngán nổi ôm đàn (3) những tấp tênh.

(1) Tức chiếc thuyền bằng gỗ bách tức gỗ thông, do tích xưa Cung Bá, Thái tử nước Vệ chết sớm, vợ thủ tiết, có làm bài thơ "Thuyền bách" tỏ ý không tái giá, nên thường được dùng để ví người đàn bà góa ở vậy.

(2) Do câu "tham ván bán thuyền" mà ra .

(3) Ý nó khó toàn được nghĩa cũ, ví như ôm cây đàn sang gảy nơi thuyền khác.

### Bạch Đằng Giang tạm biệt

(1)

Khấp khểnh đường mây bước lại dừng,  
Là duyên là nợ phải hay chăng.  
Vịn hoa khéo kéo lay cành gắm,  
Vực nước xem mà động bóng giăng.  
Lòng nọ chớ rằng mây nhạt nhạt  
Lời kia này đã núi giăng giăng.  
Vời nhau (2) tình nghĩa sao là trọn,  
Chớ thói lưng vơi cũ nước Đằng. (3)

(1) Tặng bạn khi chia biệt ở sông Bạch Đằng.

(2) Có lẽ là chữ Nhau. Văn bản chép Sao.

(3) Lưng vơi cũ nước Đằng: Nước Đằng là một nước nhỏ ở thời Xuân Thu Chiến Quốc, bị ép giữa hai nước lớn là Tề, Sở nên luôn phải giữ gìn. Trong bài thơ tương truyền là của Hồ Xuân Hương cũng dùng điển này để tả nỗi khổ của người đa thê: "Ngoảnh mặt sang Tề, e Sở giận; Quay đầu về Sở, sợ Tề ghen".

### Vài bài thơ

Lưu biệt thời tại An Quảng,  
An Hưng ngụ thứ. (1)

Người về người ở khéo buồn sao.  
Tức tối mình thay biết lẽ nào.  
Tơ tóc lời kia còn nữa hết,  
Đá vàng lòng nọ xiết là bao.  
Nổi cơn riêng giận ngày giờ ngắn,  
Mỗi mắt chờ xem bóng nguyệt cao.  
Sớm biết lẽ giờ lí có hợp,  
Thì mười năm trước bận chi nao.

(1) Ghi lại lúc chia tay tại An Quảng, An Hưng.

### Mộng thấy hái sen

Xấn gọn quần cánh bướm  
Chèo thuyền con hái sen  
Nước hồ đầy lai láng  
Dưới nước bóng người in  
Tây hồ hái hái sen  
Hoa gương bỏ lên thuyền  
Hoa tặng người mình sợ  
Gương tặng người mình quen  
Sáng nay đi hái sen



Hẹn cô kia đi với  
Chẳng biết đến lúc nào  
Cách hoa nghe cười nói  
Hoa sen ai cũng ưa  
Cuống sen chẳng ai xót  
Trong cuống có tơ mảnh  
Vấn vương không thể dứt  
Lá sen màu xanh xanh  
Hoa sen dáng xinh xinh  
Hái sen chớ đụng ngó  
Năm sau hoa chẳng sinh.  
(Nguyễn Du - Lê Thước dịch)

\*\*\*

### Phụ đính I

## Mối tình của nữ sĩ Hồ Xuân Hương với Nguyễn Du T. V. Phê

Hồ Xuân Hương, một nữ sĩ nổi danh về thơ nửa tục nửa thanh, nửa hư nửa thực, nhằm châm biếm diễu cợt thói đời, con người; hoặc diễn tả những sự vật và sinh hoạt thường nhật với nghĩa đôi rất linh động và thú vị. Bà xinh đẹp, tính tình phóng khoáng, giao thiệp rộng, hay xướng họa thơ với nhiều văn nhân thi sĩ đương thời nên đời bà có nhiều mối tình; nhưng thường là kết cuộc dở dang không hiểu vì bà kén chọn hay duyên phận. Từ những thơ chữ Hán, Nôm và thơ xướng họa của bà còn để lại, các nhà nghiên cứu cho rằng bà đã từng kết bạn thơ và bạn tình với các danh sĩ: Mai Sơn Phủ, Tống Phong Thị, Trần Quang Tĩnh, Trần Phúc Hiễn, Trần Ngọc Quán và nhất là mối tình đầu với thi hào Nguyễn Du.

1) Xuân Hương là con ông Hồ Phi Diễn (1703 - 1786), người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Khi ra dạy học ở Hải Dương, ông lấy người thiếp họ Hà và sinh ra bà, tục danh là Hồ Phi Mai. Vua Quang Trung, Hoàng Giáp Hồ Sĩ Đống, nữ sĩ Hồ Xuân Hương là cùng một thế thứ, đời thứ 12, có chung một ông tổ đời thứ 8 là Hồ Sĩ Anh.(1)

Bà sinh năm 1772 tại phường Khán Xuân, huyện Vĩnh Thuận, Thăng Long, Hà Nội. Sau khi cha chết, Hồ Phi Mai và mẹ về ở một ngôi nhà có gác ở Nghi Tàm, trên bờ Hồ Tây, đề biếm là Cổ Nguyệt Đường, nhà dưới làm cửa hàng bán giấy bút và sách. Thuở nhỏ học với cha, cha mất sớm nên tài thơ của bà phần nhiều là do tự học.

Bà sống tự do độc lập, ít nghĩ đến lễ giáo khuôn phép, ít e lệ thẹn thùng như đa phần con gái khác. Bà có nhiều tình cảm và bạo dạn làm thơ bộc lộ ái tình đối với những kẻ văn nhân mà bà yêu mến. Bà kén chọn bạn tình tài năng, do vậy nhân duyên chậm trễ vì đa phần những văn nhân xứng hợp với bà thì đã có gia đình nên chỉ gây cho bà nhiều đau khổ khi phải lìa xa họ. Cuối cùng khi gần năm mươi tuổi mới làm thiếp (khoảng năm 1816) cho quan Tham hiệp trấn Yên Quảng tên Trần Phúc Hiễn. Hạnh phúc chỉ được ba năm thì quan Tham hiệp bị xử tử (1819) vì tội hối lộ. Bà mất khoảng hai năm sau đó (1821 - 1822), lúc ấy bà mới 50 hay 51 tuổi.

2) Cụ Hoàng Xuân Hãn cho rằng cuộc tình này xảy ra vào khoảng 1790 - 1793, lúc đó Nguyễn Du chừng 27-30 tuổi, còn Hồ Xuân Hương: 19-22 tuổi, và ông có cảm tưởng: "*Nguyễn Du, trong khi viết nhiều câu Kiều, đã không khỏi nghĩ đến thân phận Xuân Hương thời niên thiếu*". (1)

BS. Trần Ngọc Ninh củng cố thêm luận điểm của cụ Hãn, còn đoán chắc rằng hai người đã từng dắt tay nhau đi dạo cảnh Hồ Tây, và câu Kiều:

*Ngày xuân lắm lúc đi về với Xuân*

(Kiều, câu 1294) với chữ Xuân cuối câu là ám chỉ chính Hồ Xuân Hương. (2)

Hai người cũng đã có nhiều kỷ niệm với nhau trong cái thú vui tao nhã, thanh lịch của một cặp tài tử giai nhân mà Nguyễn Du đã tả lại trong Truyện Kiều:

*Khi gió gác, khi trăng sân,  
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nói thơ.  
Khi hương sớm, khi trà trưa,  
Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn.*

(Kiều, câu 1295 - 1298)

Ba năm yêu nhau mà không thể tiến xa hơn vì ông chưa lập nên công danh sự nghiệp gì nên đành xa bà để về quê Hồng Lĩnh. Xuân Hương tiễn đưa ông qua bài *Lưu biệt bạn khăn gói sang sông Nam*, và viết nhiều bài thơ gửi ông. Về quê, Nguyễn Du cũng viết bài *Ký Mông, Ký hữu ...* nhớ Xuân Hương. (3)

3) Hai thập niên sau, Nguyễn Du có dịp làm chánh sứ đi Trung Hoa (1813). Xuân Hương gửi bài thơ nôm nhắc lại mối tình xưa Hầu đã đan dứ với mình trong ba năm, bộc bạch nỗi lòng và duyên phận rồi mong Hầu ghé thăm:

**Cảm cụu Kiêm Trình Cản Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu  
(Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền Nhân)**

*Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhưng,  
Mượn ai tới đấy gửi cho cùng.  
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,  
Giác mộng rồi ra nửa khắc không.  
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập,  
Phấn son càng tủi phận long đong.  
Biết còn mấy chút sương siu (\*) mấy (với),  
Lầu Nguyệt (\*\*) năm canh chiếc bóng chong.*

Làm sao quên được người tình như Xuân Hương, nhưng bây giờ ông là chánh sứ, mọi người đều để ý từng hành động của ông:

*Nghĩ mình phương diện quốc gia,  
Quan trên nhắm xuống, người ta trông vào.*

Vả lại khi làm quan triều Nguyễn, ông giữ thái độ rất cẩn thận dè dặt vì ông có người anh ruột là Nguyễn Nể làm quan với Tây Sơn, anh rể là Võ Trinh bị xử trảm trong vụ án Nguyễn Văn Thuyên. Do vậy ông đành phụ lòng bà, nhưng trong lòng vẫn luôn day dứt nhớ.

4) Trên đường đi sứ về, Nguyễn Du đã ghé lại lò sứ Cảnh Đức ở Giang Tây để đặt làm đĩa sứ, bên trong trang trí hình cây mai và chim hạt với bài thơ lục bát chữ nôm do ông sáng tác, viết theo chiều dọc thành ba cột 6 - 2 - 6:



*Nghêu ngao vui thú yên hà,  
Mai là bạn cũ, hạc là người quen.*

Theo GS Trần Ngọc Ninh phỏng đoán, khởi đầu Nguyễn Du viết:

*Mai là người cũ, hạc là bạn xưa*

Nhưng thấy viết như thế lộ liễu quá (vì tên của Hồ Xuân Hương là *Mai*), nên xóa sáu chữ cuối đi và viết lại sang hàng bên cạnh:

*bạn cũ, hạc là người quen.*

Sau này khi lia Bắc Hà, ông có làm bài thơ năm đoạn theo thể bốn câu năm chữ, đầu đề là *Mộng Đắc Thái Liên* trong tập *Nam Trung Tạp Ngâm*, nhắc nhở đến hồi dan díu với bà:

### **Mộng thấy hái sen**

.....  
*Hoa sen ai cũng ưa,  
Cuống sen chẳng ai thích.  
Trong cuống có tơ mảnh,  
Vấn vương không thể dứt.*

*Lá sen màu xanh xanh,  
Hoa sen dáng xinh xinh.  
Hái sen chớ đụng ngó,  
Năm sau hoa chẳng sinh.*

(Phạm Khắc Khoan và Lê Thuộc dịch)

"Hầu mượn chuyện sen để kín đáo nhắc lại tình quyến luyến giữa đôi bên, để luận người ta yêu cô nàng vì xinh, vì sắc, chứ không phải vì lòng nàng, bởi lòng nàng nhiều tình cảm, như ngó sen có nhiều tơ vương víu. Còn Hầu:

*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng  
Dấu lia ngó ý, còn vương tơ lòng."*

(Kiều, câu 2241 - 2242) (1)

5) Thơ bà lãng mạn, trữ tình, có trêu chọc nhưng thanh tao tế nhị (chẳng hạn bài "*Thiếu Nữ Ngủ Ngày*"), chứ không thô tục xâm xở, không nói lái. Những bài thơ quá đậm tục thô lỗ do người khác làm không dám nhận là của mình, cứ gán đại cho bà rồi chúng ta nhầm mắt khen hay vì đỉnh ninh là thơ của bà!! Các nhà nghiên cứu thời nay cố gắng san định lại thơ Hồ Xuân Hương để loại bỏ những bài không đúng với cốt cách, tài thơ của bà.

### **Thiếu nữ ngủ ngày**

*Mùa hè hây hây gió nồm đông;  
Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng.  
Lược trúc chải cài trên mái tóc,  
Yếm đào trễ xuống dưới nương long. (\*\*\*)*

Đôi gò bông đảo sương còn ngậm,  
Một lạch đào nguyên suối chứa thông.  
Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt:  
Đi thì cũng dở, ở không xong.

Phạm Đình Hồ (\*\*\*\*) viết bài tựa tập thơ Lưu Hương Ký của bà có dẫn lời khen của Cư Đình, người cùng quận với bà: "*Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương, văn tài học rộng, nghèo mà mỹ lệ, ý lạ cao đẹp, làm thơ đúng luật mà thanh thoát vượt ngoài khuôn sáo, quả là một bậc tài nữ vậy.*" (4)

(04/2006)

#### Tài liệu tham khảo:

- 1) Hồ Xuân Hương với Vịnh Hạ Long, Hoàng Xuân Hãn tập III trang 934, NXB Giáo Dục, 1998.
- 2) Hồ Xuân Hương và Đoạn Trường Tân Thanh, Trần Ngọc Ninh, Thế Kỷ 21 số 193 May 2005, trang 34.
- 3) Hồ Xuân Hương, nàng là ai?, Phạm Trọng Chánh, Khởi Hành 46, tháng 8/2000, trang 14.
- 4) Số mạng của văn chương, Trần Lam Giang, Khởi Hành 70, tháng 8/2002, trang 14.
- 5) Hồ Xuân Hương Tác Phẩm, Nguyễn Ngọc Bích, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, 2000.

(\*) GS Hoàng Xuân Hãn giải nghĩa: sương siu = bịn rịn. Trần Ngọc Ninh, Thái Văn Kiểm, Trần Thanh Mại và Nguyễn Lộc đều cho ba chữ cuối câu bảy là "sương đeo mái": sương đeo ở mái nhà, có nghĩa: nhớ đến người con gái đã được thương yêu lúc trước.

(\*\*) Lầu Nguyệt nghĩa đen là lầu trắng, ám chỉ Cổ Nguyệt Đường nơi Xuân Hương ở.

(\*\*\*) Từ cũ chỉ cái ngực.

(\*\*\*\*) GS Hoàng Xuân Hãn cho tác giả bài tựa tập Lưu Hương Ký là của Tôn Phong Thị.

## Tìm hiểu mối tình giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương Nguyễn Thị Chân Quỳnh

*LTS: Hợp Lưu nhận được bài viết của nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Thị Chân Quỳnh dưới dạng một bức thư trả lời cho nhà nghiên cứu Nghiêm Xuân Hải liên quan đến bài biên khảo "Di sản Hoàng Xuân Hãn" trên Hợp Lưu số 65 (tháng 6 & 7 năm 2002) và những thảo luận riêng giữa hai tác giả. Tuy là hình thức thư ngỏ nhưng những điều được đề cập trong đó có giá trị về khảo cứu văn học, nhất là về vấn đề "quả thực chỉ có một Hồ Xuân Hương" do Trần Thanh Mại đề xuất vào những năm đầu của thập niên 60. Hợp Lưu, do đó, xin được giới thiệu bức thư ngỏ này ở phần biên khảo. HL*



Chèo - tranh Bùi Xuân Phái

\*\*\*

Tôi nhận được Hợp Lưu số 65, tháng 6 & 7 năm 2002 từ lâu, trong có bài "Di sản Hoàng Xuân Hãn" của anh, tr. 21 - 25 anh phê bình bài "Tìm hiểu mối tình giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương (tác giả Lưu Hương Ký)" của tôi, đăng trong Hợp Lưu số 35, tháng 6 & 7 năm 1997. Tuy nhận được Hợp Lưu từ lâu, nhưng đến nay tôi mới viết xong bài trả lời vì từ cuối năm 2001 mắt tôi phải làm việc quá độ (1) nên sau đó bị mờ, dòng chữ cong queo như con giun, tôi phải ngừng đọc, sách báo đến tôi chất đống, mỗi ngày đọc vài ba trang, vì thế đến 10 tháng 8 tôi mới thấy bài của anh và thấy anh hỏi (t. 22): "Biết đến bao giờ Nguyễn Thị Chân Quỳnh mới sửa lại chỗ sai của mình?".

Phải nói rõ từ đầu là anh đã lần lượt gửi cho tôi tới ba bản "Di sản Hoàng Xuân Hãn": bản đầu qua M. Y. kèm thư đề ngày 9/10/98; bản thứ hai không có thư kèm, mấy dòng chữ bút chì ghi góc trái trang đầu không đề ngày nhưng thư trả lời của tôi viết hôm 30/11/98; bản thứ ba của anh kèm với thư ngày 22/01/99, vì bận viết sách nên đến tháng 5/99 tôi mới trả lời.

Nhận thấy thư đi thư lại lồi thoi, mất thì giờ, không bằng giải thích tận mặt, nên cuối cùng, vào khoảng hè năm 1999, tôi đã mời anh đến nhà nói chuyện, hôm ấy còn có hai người bạn khác là anh VNQ và chị VTHĐ. Tôi có nói rõ tôi không thù oán bác, không "vạch lá tìm sâu", nhưng nhận thấy bác viết có những chỗ không ổn nên phải lên tiếng. Đối với tôi, hai vấn đề Hồ Xuân Hương và bản dịch "Chinh Phụ" chưa ngã ngũ, chưa thể khẳng định vì chưa có bằng chứng chính xác, tất cả chỉ là phỏng đoán nên có thể đúng và cũng có thể sai. Trong trường hợp bác đúng thì không nói làm gì nhưng trong trường hợp bác sai thì con cháu Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, nếu có và còn sống, chắc cũng đau lòng...

Đây là chưa kể một buổi tối năm 1998 (hình như tối thứ bảy, tôi không ghi ngày) anh gọi điện thoại nói chuyện rất lâu, khoảng hai tiếng đồng hồ và hỏi tôi số điện thoại của ông Nguyễn Quảng Tuân lúc đó sang Pháp v.v... Còn nhớ trong điện thoại tôi có nói là một bằng chứng bác viết mà không kiểm tra là hai chữ "nữ giới" trong một văn bản bác gán cho bà Đoàn Thị Điểm, bác giảng "nữ giới" là "ý muốn nói đó là đàn bà diễn ca" (2) nhưng tôi tra tự vị Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh thì chữ "giới" đó có nghĩa khác, thí dụ của Đào Duy Anh: "giới yên" có nghĩa là "rắn đưng hút thuốc phiện", anh có thể kiểm tra dễ dàng vì bác có sao chụp bì bản "nữ giới" ở cuối quyển Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo (3).

Tóm lại là tôi tưởng đã nhiều lần trả lời anh hoặc trực tiếp, hoặc qua thư hay điện thoại và chuyện đã "thanh toán" xong từ lâu, nay mới hiểu là anh muốn tôi phải công bố trên báo. Vậy tôi xin lần lượt trả lời anh từng điểm trong đoạn anh phê bình tôi, in trên Hợp Lưu số 65, từ trang 21 đến trang 25 :

- tr. 21 Anh viết : "Nguyễn Thị Chân Quỳnh không giới thiệu A0 mà lại giới thiệu "Thiên Tình Sử" là sách người ta tự ý in ba bài của bác, tôi cho là sách "ăn cướp", nếu dịch từ "pirater" của Pháp".

(A0 = "Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long", Tập san Khoa Học Xã Hội. Paris : số 10-11, tháng 12/1983)

**1- Thiên Tình Sử** - Trước hết, khi viết bài "Tìm hiểu..." tôi không "giới thiệu" Thiên Tình Sử (TTS) mà là "sử dụng" TTS vì tôi chỉ mua được bản đó chứ không mua được bản gốc in trong Tập san Khoa Học Xã Hội. Anh trách tôi sao không hỏi mượn anh bản gốc, nhưng lúc đó tôi tưởng TTS là bản gốc, được in lại với sự thỏa thuận của bác thì còn đi hỏi mượn làm gì?

**2- Nhưng đây là chi tiết phụ**, cái chính là sử dụng TTS có làm sai lạc những luận cứ của tôi hay không? Trong thư viết cho anh ngày 30/11/98 tôi nhìn nhận là sau khi đối chiếu, so sánh từng dòng, tôi thấy TTS khác với bản gốc anh cho mượn khoảng 150 chỗ: lỗi nhẹ là quên viết hoa tên người, tên địa điểm... nặng là quên một hai chữ, hay bỏ sót cả mấy dòng khiến câu văn sai nghĩa hoặc vô nghĩa. Tuy nhiên, đối với những lập luận của tôi thì những lỗi lầm ấy không có ảnh hưởng gì cả. Lập luận của tôi là:

a) Chưa thể khẳng định hai bà Hồ Xuân Hương, tác giả Lưu Hương Ký (LHK) và tác giả những bài thơ ai cũng biết mà tôi gọi là thơ truyền tụng (TTT), chỉ là một người vì vấn đề còn nhiều khê, những "bằng chứng" đưa ra chỉ là phỏng đoán. Ngoài cái tên giống nhau và cùng hay làm thơ thì văn phong, duyên tình của hai bà vv. khác nhau xa.

b) Mỗi tình giữa Nguyễn Du và tác giả LHK được nhìn nhận qua bài thơ "Cảm cụu..." chưa chắc đã có thật: nếu quả hai người có tình với nhau đủ "ba năm vẹn" như xác nhận trong "Cảm cụu...", cả hai đều là thi sĩ có tài, hay làm thơ, tại sao lại không có thơ xướng họa với nhau trong LHK như đối với Tôn Phong, Mai Sơn Phủ, Hiệp trấn họ Trần và những bạn tình khác của nữ sĩ? Bài "Cảm cụu..." do Xuân Hương viết chỉ chứng minh mối tình của Xuân Hương đối với Nguyễn Du nhưng còn phần Nguyễn Du thì sao? LHK không có mà trong di cảo của Nguyễn Du cũng không có một bài nào đã động đến Xuân Hương chứ đừng nói tới mối tình giữa hai người. Bài "Mộng đặc thái liên" bác đưa ra nói là chắc khi viết bài này Nguyễn Du nhớ tới Xuân Hương, nhưng chính bác cũng không dám quyết đây là sự thực. Trích TTS:

tr. 246: ('Mộng thấy hái sen') hình như nhắc nhở đến hồi dan díu với Xuân Hương;

tr. 248 : Bài này chứng rằng Nguyễn Du ở Quảng-bình hay ở Huế có lúc nhớ đến một người bạn gái xưa ở cạnh Hồ Tây tại Thăng-long. Tuy bút chứng không muốn trở là ai nhưng lấy mọi bằng chứng mà suy thì tôi đoán đó là Xuân Hương có lẽ là hợp lý. Dầu sao nếu Hàu (Nguyễn Du) còn quen một người con gái Hồ Tây nào khác thì tình duyên giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương là sự có thật. Nó kéo dài "ba năm vẹn".

Đọc kỹ bài thơ thì người con gái ấy là "hàng xóm" của Nguyễn Du (song không ai biết đích xác lúc ấy Nguyễn Du ở đâu) và hai người rủ nhau đi hái sen ở Hồ Tây, chứ không phải người con gái ấy "ở cạnh Hồ Tây" để mà đoán là Xuân Hương.

Vì chưa có bằng chứng nào khác tỏ ra Nguyễn Du có đáp ứng mối tình này, nên tôi cố công thử tìm xem ở những thời điểm nào hai người cùng sống ở Thăng-long trong ba năm xem chuyện có thể xảy ra được không? Kết quả là "không" (4).

- tr. 22: Anh viết: "Sách (TTS) không in lại bản đồ mà bác vẽ, đọc thấy thiếu ngay. Bản đồ trong bài A8 của Nguyễn Thị Chân Quỳnh thì rất xưa (1490) và rất quý trên mọi phương diện nhưng tiếc là nó đã thay thế và làm mất bản gốc của HXH. Tôi không biết nó có đúng hơn với sự thực của thời Hồ Xuân Hương, nhưng trong bản gốc HX Hãn có vẽ thêm đường đi nên dễ hiểu hơn. Nên tôi có lời trách (chung cho tôi và tác giả Nguyễn Thị Chân Quỳnh) : tôi đã nhờ chị TKhuê đăng trong báo Hợp Lưu số 29 (mà tác giả có trong tay vì có nói đến tờ báo đó) rằng ai muốn biết thêm về di sản của HX Hãn xin liên lạc với tôi. Nếu tác giả liên lạc với tôi (dễ quá vì cùng ở vùng Paris) tôi đã cho sao chụp ngay bài báo. Không liên lạc có phải vì tôi không đất rao hàng chăng?".

[A8 = "Tìm hiểu mối tình giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương (tác giả LHK)", Hợp Lưu số 35, tháng 6 & 7/1997]

**3- Bản đồ Thăng-long** - Xin trích lại thư tôi trả lời đề ngày 30-11-1998: "Tôi đã giải thích với anh trên điện thoại, xin nhắc lại là tôi thường cố ý minh họa những bài viết bằng tranh ảnh hay bản đồ xưa: Đây là cách "bảo tồn di sản" của tôi, phải in ra để cho nhiều người được xem và đỡ bị thất lạc, mai một. Bản đồ tôi đưa ra quý ở chỗ vẽ từ thời Lê Thánh Tông, thế kỷ 15, trong có chua rõ chỗ của phường Khán Xuân mà xưa nay người ta vẫn cho là chỗ ở của Xuân Hương nên tôi mượn cơ ấy để cho in bản đồ chứ không phải vì không có bản đồ của Bác trong tay nên đem cái này vào thay thế mà không có một lời giải thích. Đây không phải là cung cách làm việc của tôi".

Xin thêm một câu: Tôi cũng đã từng giải thích với anh: Tôi không biết bác có vẽ bản đồ Thăng-long (vì TTS không in) thì còn "thay mặt đổi đào", lấy bản đồ thời Lê ra thay bản đồ của bác làm gì? Chính anh cũng nhìn nhận trong TTS không có bản đồ bác vẽ. Anh được đọc bản gốc thì anh "nhận ra ngay", nhưng tôi chỉ có TTS thì không thể đoán được. Anh còn "vận" tôi "Khán Sơn" (trên bản đồ 1490) không phải là "Khán Xuân" và tôi đã giải thích: "Phường Khán Xuân nằm giữa núi Khán tức Khán Sơn và núi Xuân" (5).

Tôi đã nói rõ tôi đưa bản đồ Thăng-long 1490 ra với mục đích phổ biến một bản đồ xưa hiếm quý chứ tôi có nói bản đồ ấy "đúng hơn với sự thực của thời Xuân Hương" đâu?

Còn bảo vì tôi phổ biến bản đồ Thăng-long 1490 "làm mất bản gốc" (bản HXHãn vẽ) anh có thấy là anh nói quá đáng không? Nếu có người "làm mất" bản của bác thì là người chịu trách nhiệm in TTS chứ sao lại là tôi?

- tr. 22 và 23 - Anh viết " Bài A2 in trên Hợp Lưu số 13, dễ tìm, sao Nguyễn Thị Chân Quỳnh không giới thiệu và xuất xứ cho đúng câu nhận xét đã ghi trong chú thích số 1 của chị là bác nhầm. Nhưng năm 1993 bác đã sửa lại trong A2, tức là bốn năm trước bài A8 của Nguyễn Thị Chân Quỳnh (...) Chuyện chỉ là chi tiết đáng bỏ qua, nhưng nó đã phạm đến nguyên tắc M1 : Viết để phục vụ cho độc giả (đỡ mắt thì giờ). Nay lại viết để cho độc giả rầm rối thêm. Vậy tốt hơn hết là không viết chú thích số 1 mà lại còn viết sai một thế kỷ. Và biết đến bao giờ Nguyễn Thị Chân Quỳnh mới sửa lại chỗ sai của mình?".

(A2 = Thụy Khuê thực hiện: Giáo sư Hoàng Xuân Hãn nói chuyện về thân thế và sự nghiệp Hồ Xuân Hương. Hợp Lưu số 13, tháng 11&12/1993)

**4- Thời điểm** - Trước hết, trong chú thích số 1 quả tôi có đánh máy "sai một thế kỷ" thật : Trần Thanh Mại phát hiện ra LHK năm 1963 chứ không phải "1863", đó là lỗi tôi đánh máy dở, mất lại chẳng lấy gì làm tinh tường nên tuy có đọc lại mà không phát giác ra, tôi xin nhận lỗi.

Nhưng tôi cũng xin nhắc anh là trong thư trả lời ngày 30/11/98, tôi có nêu ra một thắc mắc: "Tái bút: Bài này Bác viết xong đầu năm 1984 mà anh ghi bút chì là Tập san Khoa Học Xã Hội tháng 12/1983 e có sự sai lầm?". Thư trả lời của anh đề ngày 22/01/1999: "Tại sao bác đề ?cuối đông năm Quý Hợi, đầu 1984?? Theo tôi, năm Quý Hợi (1993) là bác viết nhầm từ Quý Dậu (1983), cuối đông là vào khoảng 12/1983, 01/1984".

Chẳng lẽ đánh máy "sai một thế kỷ" lỗi lại nặng hơn?

**5- Về chi tiết** bác nhầm thời điểm tuy tôi có nhắc đến nhưng đã đưa nhận xét ấy xuống "chú thích" tức là coi nó không quan trọng. Chính anh cũng nhìn nhận là "đáng bỏ qua". Mục đích của tôi lúc ấy chỉ là tìm xem có những thời điểm nào Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du cùng sống ở Thăng Long trong "ba năm vẹn", để chứng minh mối tình giữa hai người có thể có thật. Xin trích thư đề ngày 30-11-98: "Thời điểm. Anh trách tôi là biết Bác đã tự sửa lại sai sót về thời điểm mà lờ đi, không đã động đến vv...

Nếu mục đích của tôi là bới móc những lỗi lầm của Bác thì "không đã động đến" quả là lỗi nặng của tôi, nhưng mục đích của tôi là tìm hiểu xem Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương có những dịp nào cùng sống một thời với nhau, cho nên dù Bác tự ý loại ra vài thời điểm, tôi vẫn nhặt lên, hơn thế nữa, tôi tự ý tìm thêm những thời điểm khác mà hai người cùng sống ở Thăng-long và đã chứng minh là không thể có được" (6).

**6- Nguyên tắc M1:** Viết để phục vụ cho độc giả (đỡ mắt thì giờ) - Xin có một nhận xét là bài anh viết không theo nguyên tắc này, tôi không biết các độc giả khác thì sao chứ tôi đọc anh rất "vất vả" vì những A0, A2, A3, A8, A12, P1, P3, P4, P9, P10, P11, P12, M0, M1, M2, M3, M5 (chỉ đếm riêng trong mấy trang phần tôi) thì cảm giác của tôi là viết thể đỡ mắt thì giờ cho tác giả chứ không "đỡ mắt thì giờ cho độc giả" (mỗi lần phải đi tìm ý nghĩa những A0, A2, A3, M0, M1, M2... ấy), chính anh đôi khi cũng tự giải nghĩa liền sau đấy.

**7- Rắc rối** - Anh trách tôi "viết để cho độc giả rắc rối thêm". Nếu chỉ vì tôi đưa ra những ý kiến khác với bác khiến cho vấn đề không đơn giản nữa thì quả là đúng. Song nếu tôi không đưa ra những điều mình thắc mắc, thấy không ổn, mà chỉ chép lại nguyên văn những gì bác viết thì tôi nghĩ thà đừng viết còn hơn. Nếu bác viết chỗ nào cũng hợp lý thì việc gì tôi còn phải lên tiếng? Còn như bác viết có chỗ người ta không đồng ý thì dù tôi không lên tiếng cũng có người khác.

- tr. 23 - 25 : Bài "Cảm cụu..." trong LHK có hai câu thơ :

Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập,  
Phấn son càng tủi phận long đong.

Anh viết : "HXHăn hiểu rằng câu trên nói đến việc cụ Nguyễn Du soạn ngựa xe đi sứ sang Tàu.

Còn một độc giả như tôi thì sao? Tôi xin nói rõ tiến trình lập luận tìm hiểu của tôi.

Đầu tiên tra tự vị. (P9: tìm nghĩa những chữ và M5: trở về nguồn, tìm hiểu chữ Việt cổ).

Chữ duyên có hai nghĩa có thể chấp nhận : Nghĩa tình duyên, nhân duyên lấy vợ lấy chồng, và nghĩa duyên nợ, duyên kiếp, duyên số, duyên phận (destinée, sort) Ngày nay nghĩa nhân duyên lấy vợ lấy chồng thông thường ở ngoài đời, nhưng vào chùa thì nghĩa duyên kiếp thông thường hơn. Và duyên lại có những nghĩa khác: cái đẹp kín đáo hấp dẫn hay sự may mắn trong các tập



hợp "có duyên", "vô duyên" nay vẫn thường dùng, và duyên còn có nghĩa bờ... trong duyên hải = bờ biển.

Xưa thì sao? (P9 và P3, P4). Chữ nhân duyên là từ Phật giáo...

Anh giảng nghĩa chữ "duyên", trích Phật giáo, truyện Kiều vv hết trang 24 và đầu trang 25 rồi anh kết: ...trong Kiều có độ 40 lần duyên có nghĩa là duyên số vợ chồng nhưng vẫn còn 16 lần duyên có nghĩa là duyên phận, vậy nghĩa này xưa thông dụng. Dùng đối chiếu ba lần : "Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi", "Giận duyên tui phận bời bời", "Cũng là phận cải duyên kim", thì luôn luôn duyên có nghĩa là duyên-phận.

Tiếp theo là tìm hiểu văn phong và nhân tính của tác giả, ngẫm nghĩ xem câu thơ có hợp tình hợp cảnh không. Theo HXHãn thì Hồ Xuân Hương của LHK cũng là tác giả những bài thơ truyền tụng (trừ những bài mà người sau đã gán cho bà và nay ta phải tìm cách loại ra). Viết LHK cho hậu thế, bà chỉ chọn những bài thơ "cao cấp". Vậy bà là một người đàn bà phóng khoáng, một thi nhân lỗi lạc và bà rất tự cao, không chịu thua kém đàn ông.

Chẳng nhẽ một nhà thơ phóng khoáng, tự cao, hãnh diện, với địa vị văn giới và ý kiến về vợ lẽ rành rành như trong các bài thơ, lại đi than với hậu thế là ông kia đi lấy vợ bé mà không lấy tôi. Tôi thấy đây là một mâu thuẫn lớn, mà cách giải thích của Nguyễn Thi Chân Quỳnh chưa đáp ứng được.

Đến đây sự nhớ đến phương pháp P10 (không có chữ Nôm trước mắt thì đừng nên đoán). Vậy chữ duyên viết bằng chữ Nôm trong văn bản LHK có thể giúp ta chọn nghĩa. Nhưng khi không có bản LHK trước mắt, ta cũng có thể kiểm được câu trả lời bởi vì tra tự vị thì duyên với cả hai nghĩa đều viết cùng một chữ Nôm. Như vậy nhìn mặt chữ Nôm, trong trường hợp này, không giúp ta làm rõ nghĩa hơn được".

**8- Chữ "duyên"** - Anh giảng giải cả trang về ý nghĩa chữ "duyên", trích Kiều, đạo Phật vv. nhưng anh không nói vì sao chữ duyên ấy lại dẫn đến ý nghĩa : "Nguyễn Du sắm ngựa xe đi sứ". Chỉ nói "Hoàng Xuân Hãn hiểu rằng..." đối với tôi không đủ. Tuy "duyên phận" có thể dịch ra tiếng Pháp là "destinée, sort" nhưng nghĩa chính của "destinée, sort" là số phận, chứ không phải "duyên phận", "duyên phận" chỉ là nghĩa phụ, tức là "số phận về mặt tình duyên".

Trích thư ngày 30-11-98: "Chữ duyên. "Tôi vẫn giữ lập trường của tôi (không phải là tôi không biết chữ "duyên" có nhiều nghĩa). Nếu anh không tin nên đọc lại tất cả bài thơ ("Cảm cụu..."), thứ nhất câu cuối, và nên đọc tập LHK thì sẽ thấy rõ tác giả thuộc hạng người nào, Hồ Xuân Hương mà anh nói là tác giả TTT".

Câu cuối là một câu than thân : "Lầu Nguyệt năm canh chiếu bóng chong".

"Lập trường của tôi" là vẫn cho câu thơ "Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập" trở vào việc như Nguyễn Du lấy vợ thì "hợp tình hợp cảnh" hơn là trở vào việc Nguyễn Du đi sứ và nó còn đối nghĩa với câu dưới "Phấn son càng tủi phận long đong" của Xuân Hương than thân.

Trong thư tôi khuyên anh đọc LHK, nếu anh đọc sẽ thấy mấy câu khác tương tự, trong bài "Thu nguyệt hữu ước Mai Sơn Phủ kí" (Đêm thu nhớ Mai Sơn Phủ viết), ý nghĩa thật rõ ràng, phù hợp với cách giải thích của tôi :

Son phấn trộm mừng duyên để lại,

Bèo mây thêm tủi phận về sau.  
Trăm năm biết có duyên thừa nữa,  
Cũng đổ tay tơ cũng trắng đầu. (7)

9- **Mâu thuẫn** - Anh tin hai bà Xuân Hương là một nhưng tôi không tin. Đọc LHK tôi thấy tác giả "hiền lành" chứ không phải "cao ngạo", tác giả TTT mới "tự cao". Hãy cứ cho cả hai là một, "tự cao", nhưng đọc cả TTT lẫn LHK rõ ràng không thiếu gì những câu than thân, tủi phận. Bề ngoài người ta có thể tỏ ra cứng cỏi nhưng bề trong vẫn có thể có những lúc yếu đuối, không có gì là "mâu thuẫn". Thử đọc:

TTT : Bài "Tự tình I" :

Canh khuya vắng vắng trống canh dồn,  
Trơ cái hồng nhan với nước non! (8)

LHK : Bài "Cảm cụu..." :

Phấn son càng tủi phận long đong.  
(...)  
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong!

không than thân thì là gì?

10- **Hồ Xuân Hương** - Bác cho hai bà Xuân Hương là một nhưng tôi nhận thấy chưa thể khẳng định như thế vì còn nhiều chỗ không ổn, chỉ lấy hai thí dụ : văn phong và duyên tình.

a) Văn phong: Thơ LHK tuy có thể liệt vào những áng thơ hay nhưng chưa ai nhìn nhận đó là những câu thơ kiệt tác, phi thường, "có một không hai", hơi văn đi mạnh, hình ảnh sắc sảo, táo bạo, gieo vần oái oăm mà vẫn thoát một cách tài tình vv. như trong TTT. Đứng cạnh những bài TTT thơ LHK trở nên "bình thường".

Cùng là than thân, hãy so sánh:

Chiếc bách (TTT)  
Chiếc bách buồn về phận nổi nênh,  
Giữa dòng ngao ngán nổi lênh đênh.  
Lưng khoang tình nghĩa mong đầy đặn,  
Nửa mạn phong ba luống bập bênh.  
Chèo lái mặc ai lăm đổ bến,  
Buồm lèo thây kẻ rập xuôi duênh.  
Ầy ai thăm ván cam lòng vậy,  
Ngán nỗi ôm đàn những tấp tênh! (9)

(Tôi trích bài này để tiện so sánh văn phong hai bà chứ không phải chọn bài này vì cho nó hay hơn những bài khác trong TTT)

Tự thán I (LHK)  
Con bóng đi về chốc bấy nay,  
Chữ duyên nào đã chắc trong tay.  
Nghĩ cùng thế sự lòng như đốt,  
Trông suốt nhân tình dạ muốn say.

Muôn kiếp biết là duyên trọn vẹn,  
Một đời riêng mấy kiếp chua cay.  
Nỗi mình nỗi bạn dường bao nả,  
Dám hỏi han đâu những có này. (10)

Bảo rằng thơ trong LHK "cao cấp", nữ sĩ về già tự ý loại những bài thơ "ngổ ngáo" viết khi còn trẻ để đương đầu với đám thư sinh chọc ghẹo như Trần Thanh Mại đề xướng và bác đồng ý thì quả thật tôi thấy khó tin. Một người đã sáng tác được những bài thơ như TTT (dù có bị người đời "nhuận sắc" nhưng cái cốt lõi vẫn còn) lại không nhận ra giá trị của nó, vứt bỏ đi để mà chọn giữ lại những bài thơ "cao cấp" như trong LHK, thì có họa là "điên"!

Người ta vì khâm phục những bài TTT nên mới nhớ đến tên Hồ Xuân Hương, và tìm đọc LHK vì tò mò thấy tên Hồ Xuân Hương, nếu tác giả LHK mang tên khác chưa chắc đã có nhiều người tìm đọc như thế.

Ông Đào Thái Tôn đã viết và nhìn nhận hai Xuân Hương là một, rằng thơ LHK là thơ "sàng lọc" lúc về già v.v. nhưng trong những buổi họp bạn bè, ông vẫn chọn ngâm TTT. Trích Đào Thái Tôn, Thơ và Đời: "Nói vậy thôi chứ mai uống rượu vào mà bạn bè bảo tôi đọc thơ Hồ Xuân Hương tôi vẫn có thể đọc "Thiếu nữ ngủ ngày", "Đánh cờ người"... những bài thơ mà tôi đã loại ra khỏi phần chính văn" (11).

Vì sao? Tất nhiên là vì nghệ thuật độc đáo của chúng chứ không phải vì ý nghĩa "tục". Văn thơ hải ngoại ngày nay thiếu gì người viết về tình dục nhưng nào có ai được người đời ca tụng, trọng vọng? Nếu dựa vào LHK để "sàng lọc" TTT thì là làm chuyện ngược đời.

Chính Trần Thanh Mại nêu ra thuyết dựa vào LHK để thanh lọc TTT nhưng lại tự mâu thuẫn ở chỗ khi dịch bài "Cảm cữu..." câu 6 lại cố ý dùng chữ giống giọng TTT:

Biết còn mấy chút sương đeo má (12)

b) Tình duyên hai bà tuy cùng trắc trở nhưng những "bạn tình" của hai bà khác hẳn nhau. Trong LHK không có bóng dáng Tổng Cốc, ông Phủ Vĩnh Tường (13) và trong TTT cũng không thấy một bài nào, một câu nào nhắc đến Tôn Phong, Mai Sơn Phủ, Hiệp trấn họ Trần v.v. Dù cho là tác giả LHK chỉ chọn lọc những bài thơ "cao cấp" để đưa vào LHK nhưng chẳng lẽ dân gian cũng chọn lựa TTT để loại ra những bài có dính dáng đến Tôn Phong, Mai Sơn Phủ, Hiệp trấn họ Trần v.v. ?

Tại sao không tạm thời chấp nhận có hai bà Xuân Hương sống cùng thời và cùng làm thơ hay nhưng mỗi người văn phong một khác, như đã có hai Nguyễn Du sống cùng thời?

Nguyễn Du, 1765/6-1820, tác giả Truyện Kiều, là người Nghệ, đỗ Tam trường (có lẽ là thi Hội), khi có loạn Kiều binh, ông lên Thái-nguyên rồi được kế nghiệp cha nuôi, giữ chức Chánh Thủ hiệu (một chức quan võ nhỏ), ông chống Nguyễn Huệ và thời Gia-long từng làm Cai bạ (Bố chính) rồi Cần-chính điện Học sĩ v.v. Nguyễn Du thứ hai người huyện Thanh-oai, đỗ Hoàng giáp (tức nhị giáp tiến sĩ) năm 32 tuổi (1785), làm quan ba triều: Lê, Nguyễn Huệ và Gia-Long (14).

Đây là chưa kể, ít người biết là có tới hai bản LHK chứ không phải một. Theo Hồ Tuấn Niệm thì bản thứ hai nằm trong Thư Viện Khoa Học Xã Hội (A - 2814) nhưng "hoàn toàn khác về nội dung" (15).

11- Anh viết: "P10 (không có chữ Nôm trước mắt thì đừng nên đoán)". Vậy thì trường hợp hai chữ "nữ giới" rõ ràng bác có bản nôm trước mắt (và nhất định là bác thừa hiểu ý nghĩa cả hai chữ "giới"), nhưng bác vẫn giảng sai thì anh nghĩ sao?  
Trong Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo (CPNBK), ngoài hai chữ "nữ giới" bác giảng không ổn, tôi còn thấy bác ghi cuối bài "Tựa":

tr. 9: "Viết tại ngụ sở, gần bờ sông Sen tại Pa-ri, mùa hè năm 1952";

tr. 36, bác viết: "Từ năm 1926 ông Phan Huy Chiêm đã gửi thư cho báo "Nam Phong", nói rằng bản "Chinh Phụ Ngâm" là "cụ Phan Huy Ích dịch ra văn nôm, hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính, vừa chữ vừa nôm". Nhưng từ đó, mặc dầu những nhà khảo cứu yêu cầu, ông Huy Chiêm chưa từng xuất bản bài diễn ấy. Ấy là vì lẽ ông Huy Chiêm nghĩ rằng bản diễn ca của cụ tổ mình chính là bản đã in khắp nơi, mà có lẽ có câu không hay bằng nữa. Mùa hè năm nay tôi đã được ông Huy Chiêm nhờ người họ gửi cho một bản nhưng chỉ là một bản đã phiên âm ra chữ la-tinh. Hình như bản chữ nho và chữ nôm nay chưa tìm lại được".

Tôi thắc mắc là cho đến khi bác viết xong bài "Tựa" nhà họ Phan vẫn chưa đưa ra được bản chính chữ nôm của Phan Huy Ích, chẳng hóa ra bác đã khởi sự viết CPNBK chứng minh rằng bản dịch hay nhất xưa nay người đời gán ghép cho bà Đoàn Thị Điểm chính là của Phan Huy Ích ngay từ khi trong tay chưa có bản chữ nôm của nhà họ Phan làm bằng chứng?  
Và cho đến nay vẫn chưa ai được thấy nó. Sau này (1970) ông Nguyễn văn Xuân tìm ra một bản ở Huế tên là Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc mà ông và bác đoán là bản của Phan Huy Ích dịch. Tôi dùng chữ "đoán" vì trang cuối bài "Tựa" chỗ đề tên tác giả (hay dịch giả) lại bị mất (16) nên bằng chứng này cũng chưa thể kể là "bằng chứng" đích xác, mà chỉ là phỏng đoán.

Đây là tôi chỉ đứng trên lập trường lý luận về những bằng chứng cụ thể, đích xác, không ai chối cãi được, còn phần chữ nôm xin để nhường các chuyên gia.

Tôi đã trả lời anh cận kề, từng điểm một, mong là chuyện chấm dứt ở đây. Bài này chỉ nêu ra một số thí dụ, nếu anh muốn có bài viết đầy đủ về những chỗ tôi còn thắc mắc thì xin đợi khi nào tôi lành mắt và có thì giờ thông thả tôi sẽ viết thật cận kề, tường tận (17).

Xin nhắc lại là mục đích của tôi không phải để bới móc những sai lầm, sơ sót của bác mà chỉ là đưa ra những chỗ lập luận của bác mà tôi thấy không ổn, nhắc đọc giả nên dè dặt. Nhận xét chung của tôi vẫn là bác làm việc công phu nhưng đôi khi thiếu kiểm tra, nên có những sai lầm dễ dàng tránh được nếu cẩn thận hơn. Chẳng hạn mất công tìm ra tên họ hai ông Hiệp trấn họ Trần (17) thường xưng họa với tác giả LHK nhưng bác không kiểm lại nên không thấy rằng ông Hiệp trấn Sơn-nam-hạ Trần Quang Tĩnh là người Bình-định chứ không phải người "đồng quận" (châu Hoan) với Xuân Hương như được khẳng định trong thơ. Còn Trần Ngọc Quán thì chỉ được thăng lên chức "Hiệp trấn Sơn-nam-thượng" năm 1815 trong khi LHK, chép những bài thơ đã xưng họa của nữ sĩ với Hiệp trấn họ Trần lại ngừng từ năm 1814, tức là một năm trước (19).

Cũng xin nhắc lại là khi viết bài "Tìm hiểu..." tôi phải tạm dùng TTS để chứng minh mối tình giữa hai người chưa thể coi là có thật vì vậy cuối bài tôi chưa rõ :

"Xin lưu ý: Vì chưa tìm được bài của các ông Trần Thanh Mại, Lê Thuớc và Trương Chính nên tôi viện dẫn GS Hoàng Xuân Hãn nhiều hơn".

Nó có nghĩa là vì không có những "bản gốc" về vấn đề Xuân Hương của Trần Thanh Mại (là người đã đưa ra các giả thuyết: hai bà Hồ Xuân Hương, tác giả TTT và tác giả LHK, chính là một; thơ trong LHK do nữ sĩ chọn lọc loại ra những bài thơ "ngổ ngáo" làm lúc trẻ vv.) nên tôi tạm viện dẫn TTS vì bác cũng đồng ý với những giả thuyết của Trần Thanh Mại. Nhưng nay tôi đã tìm được những "bản gốc" của Trần Thanh Mại thì tôi xin chuyển những "nhận xét" sang "chính danh thủ phạm": Trần Thanh Mại mới là người đã xướng xuất ra những giả thuyết không ổn này, không phải bác.

Tuy nhiên, phải nhìn nhận là chỉ trong vòng hơn một năm (1963-65) mà Trần Thanh Mại vừa phát hiện ra tập LHK, dịch ra quốc ngữ, tìm ra đối tượng trong bài "Cảm cụ..." là Nguyễn Du, phát hiện ra bài "Tựa" LHK của Tôn Phong, dựng giả thuyết hai bà Hồ Xuân Hương là một vv. thiết tưởng sức người không thể làm hơn được. Dù các giả thuyết ông đặt ra có những chỗ không ổn thì ông cũng không đủ thì giờ kịp nhận ra. Ông mất quá sớm (1965), nếu ông còn sống thì chưa biết câu chuyện sẽ đi đến đâu.

Trần Thanh Mại đưa ra LHK làm cho vấn đề Xuân Hương vốn đã không đơn giản thêm "rám rối" nhưng ai dám bảo công đóng góp của ông, chỉ riêng cho vấn đề Hồ Xuân Hương, là nhỏ? Nghiên cứu, biên khảo là để tìm ra sự thật. Nêu ra một vấn đề chưa được giải đáp thỏa mãn không phải là làm cho "rám rối" mà chính là để cùng nhau thảo luận, góp ý, làm cho "sáng tỏ" vấn đề ấy, không phải để chỉ trích riêng ai. Trước đây, ông Bằng Vũ có ý không hài lòng, vì tôi cãi là Tú xương không đi thi chữ quốc ngữ, tôi đã đem bài trả lời ông in vào "Lối Xưa Xe Ngựa..." tập I, nhưng lại cắt xén đoạn nói về thái độ của tôi khi cầm bút, nghĩ là không cần thiết, nay xin chép lại đoạn ấy:

"Đứng trước một điều nào mà tôi nghĩ là sai lầm đối với lịch sử hay văn học sử, tôi đã chọn thái độ lên tiếng. Giữ im lặng dĩ nhiên sẽ không có điều tiếng gì, nhưng có nghĩa là để mặc đọc giả lầm theo (tôi muốn nói những người không có thì giờ đi tra cứu sách vở).

Song lên tiếng cũng có hai cách: Thảo luận để cùng nhau tìm ra sự thật, tôi tưởng rất nên. Còn vạch những chỗ sơ suất của người khác để khích bác tôi thấy không đem lại điều gì bổ ích mà còn mất thì giờ và cũng chẳng làm tăng giá trị người viết lên trước con mắt độc giả. Đôi khi tôi quả có nêu danh một vài tác giả trong bài nhưng không ngoài mục đích tìm hiểu sự thật, và tôi cũng không cho rằng vì tôi mà những tác giả ấy bị hạ uy tín." (20).

Không ai dám nghĩ đến phủ nhận công lao của bác đóng góp cho Việt-Nam, nhưng bác cũng không tránh khỏi lỗi lầm sai sót. Nếu tôi không nêu những chỗ tôi thấy không ổn ra thì cũng có những người khác nêu ra. Bằng chứng là mới đây ông Lê Hữu Mục và bà Phạm Thị Nhung đã xuất bản một quyển sách nhan đề là Tiếng nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ Ngâm Khúc chứng minh bản dịch hay vẫn là của Đoàn Thị Điểm. Tôi chưa được đọc quyển này, cũng chưa từng bàn luận với bà Phạm Thị Nhung về Chinh Phụ Ngâm, và chỉ có một lần trao đổi sơ qua với ông Lê Hữu Mục về CPNBK của bác, đúng sự thực là ông Lê Hữu Mục nói cho tôi nghe những chỗ ông không đồng ý với bác về chữ Nôm, tôi không biết Hán-Nôm nên chỉ "đóng góp" được có hai chữ "nữ giới" mà tôi đã tra tự vị. Có nghĩa là cả hai vị viết sách đều không do tôi xui giục.

Mục đích khi viết của tôi không phải là bới móc những sai sót của bác mà là nhắc nhở mọi người nên dè dặt. Chính vì bác có uy tín nên người ta thường quá tin, không kiểm tra lại, cứ theo bác mà chép nên sự lầm lẫn do đó nhân lên không biết bao nhiêu lần!

Anh cứ yên tâm, chuyện đâu còn đó. Di sản của bác không thể chỉ vì vài bài viết của tôi mà bị suy suyến, cái gì bác viết đúng vẫn đúng, và dù sao cũng còn có công luận.

Di sản của Hoàng Xuân Hãn đồ sộ và quan trọng thật nhưng cũng không ngoài mục đích đóng góp cho việc tìm hiểu sự thật trong di sản của cả nước Việt-Nam.

Hai vấn đề Hồ Xuân Hương và bản dịch Chinh Phụ Ngâm sẽ còn làm tốn nhiều giấy mực.

Châtenay-Malabry 29-8-2002

**Xin lưu ý :** Tôi vẫn phải sử dụng TTS để cho số trang những câu trích dẫn vì đã trả anh bản gốc sau khi đối chiếu, sửa những chỗ sai và sao chụp bản đồ Thăng-long của bác vẽ, thiếu trong TTS.

### Chú Thich:

- 1- Tôi phải sửa bản thảo hai quyển Thi Hương và "Lối Xưa Xe Ngựa..." tập II, để kịp đưa cho nhà xuất bản mang sang Mỹ in trước Tết.
  - 2- CPNBK, tr. 27.
  - 3- CPNBK, tr. 290.
  - 4- Xin xem "Tìm hiểu mối tình giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương (tác giả LHK)", Hợp Lưu, số 35 và "Rút nhằm tơ duyên...", Thế Kỷ 21, số 115.
  - 5- Thăng-long, Đông Đô, Hà-nội, tr. 57 : Núi Khán là khán đài thời Lê, chỗ vua xem diễn binh, giáp với Trại Hàng Hoa (Ngọc-hà, Hữu-tiếp) ngoảnh mặt ra Hồ Tây. Pháp đã san bằng núi Khán để xây Phủ Toàn quyền (nay là Phủ Chủ tịch).
  - 6- Xin xem "Tìm hiểu...", Hợp Lưu số 35 và "Rút nhằm tơ duyên...", Thế Kỷ 21, số 115.
  - 7- Đào Thái Tôn, tr. 123.
  - 8- Đào Thái Tôn, tr. 170.
  - 9- Đào Thái Tôn, tr. 169.
  - 10- Đào Thái Tôn, tr. 135.
  - 11- Thơ và Đời, tr. 249.
  - 12- TTS tr. 245 bác viết là Hồ Tuấn Niệm sửa "đeo" ra "treo" bởi phiên âm như thế mới đúng, bác cho là vô nghĩa, sửa thành "sương siu mảy" mới có nghĩa (sương siu = bịn rịn với mối tình xưa), ông Nguyễn Quảng Tuân không đồng ý, cho phải đọc là "sương gieo mãi" (Kỷ Yếu Hội Nghiên Cứu Văn Học năm 1998, tr. 185-92).
  - 13- Bác chứng minh bài thơ "Khóc ông phủ Vĩnh Tường" là ngụy tạo, mới nghe rất hợp lý nhưng xét lại vẫn có chỗ chưa ổn. Xin đọc "Rút nhằm tơ duyên...", Thế Kỷ 21, số 115.
  - 14- Tạp Kỳ II, tr. 290 - Tục Biên, tr. 463.  
Thực Lục XII, tr. 36, Nguyễn Du làm Thự Ngự sử; XIII, tr. 7, Nguyễn Du làm Giám sát Ngự sử đổi ra làm Án sát Thái-nguyên.  
Thực Lục XIII, tr. 47 cho biết tên của tác giả Truyện Kiều ít nét hơn.
- Ngô Đức Thọ, Các nhà khoa bảng Việt Nam : "Nguyễn Du người huyện Chương-đức, nguyên quán huyện Thanh-oai, 32 tuổi đỗ Hoàng giáp (1785), làm quan đời Lê Hiển Tông đến chức Hàn lâm viện thị thư, Thiêm đô Ngự sử, khi Nguyễn Huệ ra Bắc (1788) ông được giữ chức Hàn lâm Trực Học sĩ, cùng làm việc với Ngô Thì Nhậm và Ngô văn Sở, thời Gia Long ông làm Đốc học Bắc thành".
- 15- Hồ Tuấn Niệm, "Chung quanh vấn đề Tiểu sử của Hồ Xuân Hương", Nghiên Cứu Lịch Sử, số 152, tháng 9-10, 1973, chú thích số 3.
  - 16- Nguyễn văn Xuân, tr. 33.
  - 17- Tôi cố gắng lắm mới viết xong bài này vì đọc rất khó khăn. Dù có chữa lành mắt, việc chính của tôi vẫn là viết quyển Thi Hội - Thi Đình, còn những thắc mắc về bác, tôi không viết cũng có người khác viết.
  - 18- Chưa chắc có tới hai ông Hiệp trấn họ Trần. Xin xem "Rút nhằm tơ duyên...".

- 19- Thực Lục IV, tr. 246. Bài "Tựa" LHK của Tôn Phong cho biết đã viết xong đầu năm 1814.  
20- "Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ hay không?", Thế Kỷ 21, số 23, 3-1991.

### Sách Dẫn:

- Cao Lãng, Lịch Triều Tạp Ký, Hoa Bằng dịch. Hà-nội : Khoa Học Xã Hội, 1975.
- Đại Nam Thực Lục Chính Biên, tập IV, Hà-nội : Sử Học, 1963; tập XII, XIII, Hà-nội : Khoa Học, 1965.
- Đại Việt Sử Ký Tục Biên, Ngô Thế Long và Nguyễn Kim Hưng dịch. Hà-nội : Khoa Học Xã Hội, 1991.
- Đào Thái Tôn, Thơ Hồ Xuân Hương - Từ cội nguồn vào thể tục. Nhà xuất bản Giáo Dục, tái bản năm 1995.
- Hoàng Xuân tuyển chọn, Lữ Huy Nguyên giới thiệu, Hồ Xuân Hương - Thơ và Đời. Hà-nội : Văn Học, 1995.
- Hoàng Xuân Hãn, "Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long", Tập san Khoa Học Xã Hội, số 10-11. Paris, tháng 12/1983.
- Hồ Xuân Hương - Thiên Tình Sử. Hà-nội : Văn Học, 1995.
- Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo. Paris : Minh Tân, bản in lại không đề năm.
- Hồ Tuấn Niệm, "Chung quanh vấn đề Tiểu sử Hồ Xuân Hương", Nghiên Cứu Lịch Sử, số 152, tháng 9-10 / 1973.
- Kiều Thu Hoạch, "Đại cương về đất nước và con người", Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội. Hà-nội : Sở Văn Hóa và Thông Tin Hà Nội, 1991.
- Ngô Đức Thọ chủ biên, Các nhà khoa bảng Việt-Nam (1075-1919). Hà-nội : Văn Học, 1993.
- Nguyễn Quảng Tuân, Kỷ Yếu Hội Nghiên Cứu Văn Học, TPHCM, 1998.
- Nguyễn Thị Chân Quỳnh, "Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ hay không?", Thế Kỷ 21, số 23, 3-1991.
- "Tìm hiểu mối tình giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương (tác giả Lưu Hương Ký)", Hợp Lưu, số 35, tháng 6-7, 1997.
- "Rút nhằm thơ duyên...", Thế Kỷ 21, số 115, 11-1998.
- Nguyễn văn Xuân, Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc. Saigon : Lá Bối, 1972.
- Trần Thanh Mai, "Phải chăng Hồ Xuân Hương còn là một nhà thơ chữ Hán?", Nghiên Cứu Văn Học, số 3, 1963.
- "Trở lại vấn đề Hồ Xuân Hương", Nghiên Cứu Văn Học, số 10, 1964.
- "Bản Lưu Hương Ký và lai lịch phát hiện nó", Nghiên Cứu Văn Học, số 11, 1964.

## Hồ Xuân Hương bản truyện Phí Ngọc Hùng



## tranh Bùi Xuân Phái

Hà Thành mới chớm xuân, giải hanh vàng trải đầy ngập đường ngập ngõ, cụ Cử đang lúi húi với mấy giò lan đất xanh xao vàng úa, vì cái rét ngọt năm rồi, thêm trận mưa âm ỉ đêm hôm, rồi lần thần bước vào nhà. Sáng nay trời nắng râm mùi dàu, giọt ba tiêu ra rả, vừa đi cụ vừa lần thần ngâm nga: *“Cửa tiên công khi xây đắp đỉnh chung, mấy thu tròn tìm thú cỏ hoa, chẵn thúy vũ những bèo trôi xóc nổi...”*.

Ngày trời tháng bụi của cụ Cử là vậy, khi trưa phơi sách, khi chiều tưới cây vì cụ đã phong kiếm quy điền đóng cửa tạ khách từ lâu, con ngõ Yên Thái nhà cụ xuân thu nhị kỳ mới có cỗ kim hiền hữu năng tâm. Nhưng tối về là náo thị u lâm vang vọng với tiếng chát, tiếng tom của cái nhà hát cô đầu ngay sế cửa nhà cụ. Nghĩ đến “mấy thu tròn”, cụ chợt nhớ đến bài phú của ông đồ bát nháo nào đó cũng hay hay và cụ lầm bầm: *“Một buổi chiều thanh thảo, chợt nghĩ đến người bạn tri âm, lâu năm không gặp. Vừa lúc đó, nghe tiếng lạch cạch ngoài cổng, nhìn ra thì đúng là người mình nghĩ đến...”*. Đang vẫn vợ với tri giao quái ngã sầu đa mộng..., cụ thoáng nghe có tiếng giạt chuông đục giã “kính coong, kính coong”, ngược mắt ngóng ra vườn, hóa ra cụ Tú bên Tây Hồ qua chơi. Cụ nhủ thầm, mà cụ Tú này cũng đỏng, chum chần cả năm như con nghén, con tầm bấy giờ mới chịu chui ra.

Vừa dợm bước vào, quãng vội cái ô ở bu cửa, mượn miếng trà là đầu câu chuyện, cụ Tú đã láo nháo:

- Này bác Cử hay tin này chưa, họ vừa mới tìm ra là Chinh Phụ Ngâm không phải bà Đoàn thị Điểm mà do cụ Phan Huy Ích trước tác đấy.

Cụ Cử đang bận tay lau bộ ấm trà gia bảo Thế Đức gan gà, ngược mắt nhìn lên, buông thõng một câu ra cái điều ngao ngán:

- Úi dào...Họ bắng nhắng như nặng vào cầu tiêu ấy thôi. Bác Tú còn lạ gì nữa.

Cụ Tú sáng sè:

- Ấy không đâu, chuyện là con cháu của cụ là Phan Huy Chiêm có những chứng từ gia phả dòng họ Phan ở phủ Quốc Oai, từ thời Tây Sơn với bản chép tay *“Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc”* cơ đấy.

Cụ Cử đứng dậy vào nhà, mang ra một tập cảo thơm đóng nẹp tre đã ố vàng. Cụ nói băng quơ trong khi cụ Tú lơ đễnh nhìn mấy chậu lan đất ẻo uột:

- Tôi có chuyện mọn này muốn bộc bạch với bác, rằng bàn dân thiên hạ đã bao năm quen thuộc với Chinh Phụ Ngâm của bà Đoàn thị Điểm rồi, thì có sao để vậy, đừng quấy hôi bôi nhọ nữa, chả ra làm sao sất cả.

Cụ Tú quay lại...lại chộn rộn chàng ràng thêm:

- Tôi ghé bác cũng vì chuyện này đây, số là thằng Phán nhà tôi học ở đâu đó về cho tôi hay: Theo Hồ Quỳnh Gia Phả thì Hồ Sĩ Anh đời nhà Lê, hai trong bốn người con là Hồ Thế Viêm và Hồ Phi Cơ. Nguyễn Huệ là cháu bốn đời của Hồ Thế Viêm và Hồ Xuân Hương là cháu bốn đời của Hồ Phi Cơ. Như vậy cả hai là anh em họ, cùng ông tổ năm đời của Hồ Sĩ Anh. Theo gia phả thì ông tổ của dòng họ Hồ là Hồ Hưng Dật, di dân sang cổ Việt từ thời Ngũ Đại, vốn người Triết Giang, khởi đầu lập cư ở Nghệ An.

Cụ vừa san trà từ cái ấm nâu bằng quả bứa sang chén tống, vừa thủng thủng hỏi:



- Bác biết nguồn gốc thế tục, nhưng còn bản quán thổ ngại của bà thì bác tính sao đây, thưa bác.

Cụ Tú mặt nhăn quéo lại, giọng chao chát:

- Chậc! Bác cứ nói thế... Thế bác còn lạ gì tôi cơ chứ, chữ nghĩa chưa đong đầy lọ mực, lâu lâu lại nhai vắn nhá chữ buồn ta, con giun nào biết đâu là cao sâu, ai mà so bì được với bác.

Cụ Cừ nheo mắt cười cười:

- Lạ chữa kia, bác này rõ dở người. Thử hỏi rằng tôi với bác gặp nhau ở cái tuổi này, ngoài ba cái chuyện nhai vắn nhá chữ dối già, nào khác gì *“Ngồi buồn đốt một nhúm rom - Khói lên nghi ngút chẳng thom tí nào...”*.

Không đợi cụ Tú trả lời, dơ sấp mực tàu giấy hoa tiên lên, cụ phân bua: “ Thì tôi đang đốt rom đây, chẳng dẫu gì bác, mới năm rồi tôi tìm đọc được tập *Lưu Hương Ký* sao chép lại vì đó là văn bản duy nhất có đề tên Hồ Xuân Hương. Tận tìn thư bắt như vô thư nên có sao tôi thừa vậy, đọc qua tôi mới được biết chữ “Lưu” chính là huyện Quỳnh Lưu và Hương là tên hiệu, tên tục của bà là Phi Mai. Xuân Hương và Phi Mai hiểu theo nghĩa Nôm là *“hoa mai bay trên hồ với hương xuân”*. Bà sinh năm 1772 tại phường Khán Xuân, mất năm 1822, mộ chí tại Nghi Tâm mé Tây Hồ.

Bà là con gái của ông đồ Hồ Phi Diễn, làng Quỳnh Đôi, Nghệ An. Sau ông đồ mất, bà rời về thôn Tiên Thị, huyện Thọ Xương, dựng lên năm gian hai chái nhà phen vách trúc, vườn cỏ vắn, có tên là Cổ Nguyệt Đường, là chốn đàm trường viễn kiến để bình thơ luận phú với văn nhân tài tử đương thời...” Cụ Cừ dở mấy trang giấy hoa tiên và u mặc tiếp: “Qua tập cổ thư này, tôi vỡ lẽ ra bà là thiếp của Quảng Yên Trấn Ái Quan Trần Phúc Hiển. Khi chồng mất, bà vào tu ở chùa Hoa Yên núi Yên Tử, nhưng sau đó lại trở về Cổ Nguyệt Đường và mất tại đây”.

Cụ Tú như đĩa phải vôi, lập bập:

- Ở hay! Vậy chứ ông Tổng Cóc, ông phủ Vĩnh Tường không phải là chồng bà sao.

Rất thông dong nhân nhả, cụ Cừ châm trà từ chén tổng qua chén quân cho cụ Tú, giọng trầm trầm: “ Ấy là chuyện sau thưa bác, bác gọt để tôi dài dòng một chút với Cổ Nguyệt Đường trước đã. Hai chữ “Cổ” và “Nguyệt” ghép lại thành chữ “Hồ”, có nghĩa là nhà của cô gái họ Hồ là nơi *“Ám trà tiêu khát còn nghe giọng, chén rượu mừng xuân dạ thấy say”* với sĩ phu Bắc Hà đương thời để có những cuộc tình lớn, mối tình con. Nhưng đậm đà nhất vẫn là với cụ Tiên Điền, bà bóng gió mối tình ba năm dài qua bài *Cảm Cựu Kiêm Trình Cảnh Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu* với *“Chữ tình chốc đã ba năm vẹn - Giác mộng rồi ra nửa khắc không”*.

Trở về chuyện chồng con của bà, con người tài hoa kết bạn với những tao nhân mặc khách như trên, theo tôi thì bà chả mắc mớ gì gá nghĩa với ông Tổng Cóc cho phí đời đi. Trước hết, nghĩa tử nghĩa tận, chẳng ai làm thơ khóc chồng lại dùng những tên cúng cơm xấu xí, diều cọt người đã khuất như cóc, nhái, bèn, chấu chuộc. Thêm nữa, đi đâu bà cũng làm thơ tác nhân vịnh cảnh, ấy vậy mà quê ông Cai Tổng Kinh tên tự Nguyễn Quang Hoà tục gọi là Tổng Cóc ở làng Tứ Xã nay thuộc huyện Phong Châu, Vĩnh Phú. Gần đấy có nhiều thắng cảnh và di tích như rừng trám, đền Hùng Vương, miếu Trò với tục linh tinh tình phộc, vậy mà bà im hơi lặng tiếng không đả động gì đến lễ hội Nỗ Nường này. Bác Tú thấy có lạ không cơ chứ, phải chăng hay là chốn ấy hang hùm chó mó tay.

Có sự gì để có thơ *Ông Tổng Cóc* thì tôi xin mạo muội thưa với bác như thế này đây: Thời Trịnh Nguyễn, chức cai tổng chỉ là tiếng gọi cho hoách vậy thôi.... Đứng ra là “xã trưởng”, vì thôn xã ta xưa kia ở nơi đèo heo hút gió ấy loe ngoe chực nóc gia *“Lom khom dưới núi tiêu vài chú - Lác đác bên sông rợ mấy nhà”*. Bác cứ thử ngẫm mà xem, đường xa vạn dặm, một người của Thăng Long với tứ thời bát cảnh như bà: Tham tiền cột mỡ lấm anh leo chó lấm, thân gái dặm trường chẳng đại gì công mẹ già...lom khom mò lên tận mạn ngược Phú Thọ sương lam chướng khí để lấy một ông “xã trưởng” háo danh. Ông ta khi không đâm đầu tự lập đền thờ cho chính mình, vì vậy họ ghen ghét và làm thơ để chế diễu ông đấy thôi. Bà Hồ Xuân Hương hay làm thơ lắt léo, bỗng dưng bị quàng cái ách không đâu, tôi nghĩ quẩn như vậy chẳng biết có hợp tôn ý bác chăng.”

Ngồi không ngửa miệng, cụ Tú chêm vào:

- Bác dậy sao tôi nghe vậy. Nhưng cứ theo giai thoại, giai ngẫu của ông thi sĩ Xuân Diệu kể lại thì chiều 30 tết, Tổng Cốc đem biếu quà tết cụ Đồ Xứ Nghệ bị bà Hồ Xuân Hương ra câu đối "*Tối ba mươi khếp cánh càn khôn kẻo nữa ma vương đưa quỷ tới*". Sáng hôm sau, Tổng Cốc lò mò đến xông nhà đối lại "*Sáng mồng một mở then tạo hoá để cho thiếu nữ rước xuân vào*", nghe hay quá nên bà mới lấy làm công. Hiện nay tại nhà thờ của ông Kiều Phú, thôn Đại Đình, xã Sơn Dương còn tấm ván mít ghi những bút tích thơ Nôm của bà "*Thảo lai bằng ngọc kính - Xuân tận hoá công hương - Độc bằng đan quế thượng - Hào phóng bích hoa hương*" cơ đấy.

Cụ Cử nhìn cụ Tú lắc đầu ngán ngẩm: "Ông Xuân Diệu rõ rách chuyện gì đâu chả biết nữa. Vì theo tôi câu đối dân gian trên hay dán ở trước cửa nhà trong những dịp tết chứ chả phải là của bà Hồ Xuân Hương với ông Tổng Cốc, rõ ra tôi không tường lắm. Lại nữa, ông đồ Xứ Nghệ mất sớm khi bà hỉ mũi chưa sạch thì làm sao mà đối với điếc. Nhớ những gì cũng phải liệu bò lo chuồng chứ. Còn tấm ván làm bằng gỗ mít như bác biết thừa bửa ra cả đấy, loại gỗ này mềm nên chỉ để làm con dấu, con triện. Vả lại cái ngữ "mọt như gỗ mít" thì làm sao còn giữ được cho đến thời buổi này, thưa bác.

Thêm chuyện bà làm lễ ông Phủ Vĩnh Tường thì lại thậm ư vô lý nữa. Thường thì miệng lưỡi thể gian khi muốn gán ghép cho ai một giai thoại, giai ngẫu nào đó, họ dựng đứng lên như có thật vậy, như thế này đây, thưa bác:

"Vào một chiều bằng lăng, "văn nhân" phủ Vĩnh Tường gặp cô hàng nước bên đường, mà phải là ở ven đê Tây Hồ mới đi vào sử thi với tình sử. Nào có khác gì Nguyễn Trãi gặp Thị Lộ bên Tây Hồ với hỏi đáp "*Đã có chồng chưa, được mấy con?*" - "*Chông còn chưa có hỏi chi con!*"...Thế là văn nhân bèn xin làm thơ hỏi han, nhưng vỡ bụng cứt chỉ được bốn câu là tắc tị bèn lẩn quay ra...chết giắc. Cô hàng nước họ Hồ thấy thế máng cho một câu: "*Nếu không làm được thơ thì xin lui về nhà. Chớ còn nằm đó ăn vạ mãi sao*". Nhưng mãi không thấy tỉnh giấc nam kha, thương cảm quá nên lấy ông để...làm lễ cho xong nợ. Hơn hai năm sau ông mất, vầy mà cái nợ đời vẫn đeo đẳng bà để khi không có bài thơ gởi ời đất hỏi là bài *Khóc ông phủ Vĩnh Tường*".

Nhưng người làm bài chết tiệt này quên khuấy đi một điều là:

Huyện Vĩnh Tường, thuộc Vĩnh Yên trước đó suốt đời vua Gia Long được gọi là huyện Tam Đái. Cứ theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* quyển *Sơn Tây* chép năm Minh Mạng thứ 2 thì vì chữ "Đái" thô tục nên đổi ra là Tam Đa. Mãi cho đến Minh Mạng thứ 12 vào năm 1832 mới đổi thành..."*phủ Vĩnh Tường*". Thời gian này thì bà đã quy tiên lâu rồi. Giờ ạ, ông gởi có mất xuồng đây mà xem có chướng không cơ chứ hả gởi.

Bác cho là tôi lú lẫn quá chằng, quá mù sa mưa thì tôi cũng xin trình với bác chuyện bà hàng xóm của bà Hồ Xuân Hương cho phải nhé. Chuyện là bà này đi lấy chồng, người chồng được bổ làm tri huyện nhưng không bao lâu thì chết, bà ta về nhà lại và thường nhớ chồng mà khóc. Bà Hồ Xuân Hương làm bài thơ chế giễu bà nợ có câu: "*Ai về nhắn nhủ đàn em nhé - Xấu máu thì khem miếng đình chung...*". Từ bà hàng xóm mới chỉ lấy ông "tri huyện" không thôi, bà đã gằm ghè đề thơ thì ngay với ông "xà trưởng" nơi thôn giã xa xôi...thì tôi trộm nghĩ không có chuyện bà Hồ Xuân Hương làm lễ cho...cả hai ông này".

Cụ Tú được thể sồn sác chen vào:

- Hay là thiên hạ rồi hơi dựa dẫm vào bà hàng xóm khóc chông ở trên để làm bài *Khóc ông Phủ Vĩnh Tường* cũng nên.

Cụ Cử với tay cái điếu bát rồi để đó, điềm đạm đáp:

- Úi dào...Ai biết đó là đâu, thưa bác.

Vừa vân vê bi thuốc lào cụ vừa râm rả: "Lại nữa, nước ao mà chảy lên hồ nên mạn phép bác luận giải cuộc đời của bà Hồ Xuân Hương nó tang thương ngẫu lục như thế này đây: Mẹ bà họ Hà, người Hải Dương, ông đồ Nghệ về đây dạy học và lấy mẹ bà làm lẽ. Rồi ông mất sớm, mẹ

bà thui thủi một mình nuôi con ăn học, để sau này bà Hồ Xuân Hương có những bài như *Làm lẽ, Đỗ người đàn bà khóc chồng, Thân phận người đàn bà*. Lớn lên, bà quen với Chiêu Hồ cũng người Hải Dương, tiếp đến, bà đưa mẹ về Thăng Long mở trường dạy học.

Dựa vào những năm ghi trên những bài thơ và tựa viết tên các danh sĩ trong tập *Lưu Hương Ký* thì năm 18 tuổi bà gặp người tình đầu là Nguyễn Du. Tiếp là tắt bật với những người tình giữa là Mai Sơn Phủ, Tôn Phong, Trần Quang Tĩnh. Rồi thì Tôn Phong trở lại trong khi bà lu bu với người tình mới là Trần Quán. Và cuối cùng bà chặt vật với người tình cuối không ai ngoài Trần Phúc Hiển. Ngỡ như mẹ bà, bà ngỡ là an phận làm lẽ Trần Phúc Hiển, chẳng bao lâu chồng bà bị chết. Lại bị chết chém nữa, thế nên tôi thấy cuộc đời bà tang thương ngẫu lục là thế đấy!

Cụ Cử húng hắng ho khan rồi tiếp: “Năm 1803 thời vua Gia Long, Trần Phúc Hiển được thăng dần đến chức tri huyện Tam Đái. Trần Phúc Hiển rời Tam Đái dong thuyền về Thăng Long gặp bà Hồ Xuân Hương ở Cổ Nguyệt Đường khi bà 35 tuổi. Năm 1813 ông nhậm chức Tham Hiệp Trấn Yên Quảng, bà mới đặt chân đến Quảng Yên và sáng tác những bài *Bạch Đằng giang tặng biệt, Lưu biệt thời tại An Quảng, An Hưng ngụ thứ*. Tiếp là 5 bài vịnh Hạ Long thắng cảnh và 16 bài về biển cả sông nước, thêm một bài nữa cũng vừa được tìm thấy sau cuốn Quảng Yên Địa Dư Chí.

Cụ Tú ngồi ngay tán tòn, giọng hăm hăm:

- Lạ nhẩy, hóa ra ông Trần Phúc Hiển là chồng bà Hồ Xuân Hương hay sao....

Vung vẩy cái xe điếu, cụ Cử xuống giọng: “Gớm, bác rõ bát nháo thật, thì đây nói có sách nách có chứng, ngay cả trong sách *Đại Nam Thực Lục* đời Nguyễn có viết: *“Ông là bạn của nữ sĩ Hồ Xuân Hương người Nghệ An, ông hay lui tới Cổ Nguyệt Đường tụ tập làm thơ. Tháng hai năm Ất Hợi 1815, được bổ nhậm chức Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng, đến tháng năm Mậu Dần 1818 xảy ra vụ án Trần Phúc Hiển tham nhũng và ông mất ở đấy”*.

Trong *Quốc Sử Di Biên* thời vua Tự Đức 1851, Thám Hoa Phan Túc Trực tựa: *“Năm 1816 nữ sĩ Hồ Xuân Hương là thiếp của quan Tham Hiệp Trấn Quảng Yên Trần Phúc Hiển. Bà Xuân Hương vốn giỏi văn chương và chính sự nên người đương thời khen bà là nữ tài tử. Quan Tham Hiệp thường sai Xuân Hương can dự vào những chuyện bên ngoài, thủ hạ ghen ghét vu cho tội tham nhũng vì thế bị giam năm 1818 và bị án tử hình năm Kỷ Mão 1819 thời vua Gia Long”*.

Cụ Cử gục gặc cái đầu rồi thông thả: “Xin thưa với bác là lạt mềm buộc chặt thì hai mối tình với ông Tổng Cốc và ông phủ Vĩnh Tường không có dấu vết trong tập *Lưu Hương Ký*, thưa bác.

Ngoài ra nguồn thơ chữ Hán của những bài này trong thi tập rất thanh tao, mẫu mực, tôi thiết nghĩ bà là người học rộng, văn chương tài trí hơn người. Bà được chồng ủy nhiệm cho xem xét và xử các vụ kiện của dân chúng thì bà phải tinh thông lẽ nghi đạo nghĩa. Bà không thể viết lối văn chương phạm phu tục tử như người đời đã thù dệt, bóp méo vo tròn cho bà”.

Cụ Cử chép miệng rầy rà: “Ngặt một nỗi không những đã vậy bà lại bị vo tròn bóp méo với bà Huyện Thanh Quan qua giai thoại lá đơn của Nguyễn thị Đào. Giai thoại là khi bà Hồ Xuân Hương làm lẽ cho Trần Phúc Hiển, bà có phê trong lá đơn của một thôn nữ góa chồng xin tái giá có câu: *“Chữ rằng xuân bán tái lai – Cho về kiếm chút chẳng mai lại già”*. Chẳng qua là họ quáng gà trích lục ở khúc *“Quan Tham Hiệp thường sai Xuân Hương can dự vào những chuyện bên ngoài...”* đấy thôi. Đó là tôi chưa mạn phép bác bới bèo tìm bọ đến bài *Chơi đài khán xuân*, người thì cho là của bà, kẻ thì khẳng khẳng là của bà Huyện Thanh Quan, lắm thầy thói ma, chẳng biết đầu mà mò, chỉ có giới lần.

Như nghĩ ra điều gì hay ho lắm, cụ Tú xẩm xả:

- Tôi nghe lóm được là bài *Đánh Cờ Người*, và bài *Thợ Săn* cũng chẳng phải là của bà. Dốt như me dốt như tôi cũng thấy họ vẽ chuyện như bác dậy thật.

Cụ Cử lâm râm: “Với hai bài thơ trên, tôi thấy chữ nghĩa tân thời quá, không phải ngôn từ mộc mạc dân gian của bà. Theo tôi ấy chỉ là văn chương phú lục mới đây thôi. Và lại thơ bà thường là thất ngôn bát cú hoặc ngũ ngôn, trong khi bài *Đánh Cờ Người* khí dài dòng văn tự quá thể. Riêng bài *Thợ Săn* cứ như chuyện cậu ấm với cô chiêu của Khái Hưng vác súng đi săn vịt giời

ấy“. Nhấp một ngụm trà, cụ Cử nhớn nha: “Đào sâu chôn chặt thì cùng thời với bà có bài *Đi săn* nhưng lại là của người tình của bà là...cụ Nguyễn Du khi cụ nhậm chức tri phủ Phù Dung, thế mới phiền hà, thừa bác”.

Cụ Tú ầm ức mãi đến giờ mới nhúc nhúc:

- Nghe thủng câu chuyện thì bà có khuynh hướng làm thơ trời trăng mây nước. Ngoài ra bà chỉ có mười bài ái tình ỡm ờ.

Cụ Cử gật gù: “Úi dào...Cái nhà bác này rõ hay chữa. Thế nào là...”ỡm ờ”. Bác không hay là khi bà và cụ Nguyễn Du quen biết nhau, bà nhấn nhẹ thật nhẹ nhàng qua bài *Mời trầu*. Cụ Nguyễn Du có người tình là cô Cúc ở phường Trường Lưu, mặc dù cô Cúc đã luống tuổi, vậy mà bà làm bài *Tranh tố nữ* rất thanh tao. Ngay cả đến hai chị em cô Uy, cô Sạ làm ở phường vải và đã theo ông một thời gian, bà làm bài *Đệt cử* cũng thanh nhã không kém.

Bỗng dưng cụ chép miệng bâng quơ như không có cụ Tú ở đây: “Ấy đấy, những năm tháng ở cái tuổi hoa xuân nơi chốn dân già, bà đã mang phong dao tục ngữ vào thơ với âm điệu gần gũi, bình dị và mộc mạc rất tài tình, đầy hình tượng và dễ nhớ: Chẳng hạn như bài *Mời trầu* trên có hai câu thành ngữ xanh như lá và bạc như vôi được áp dụng trong câu thơ đừng xanh như lá, bạc như vôi. Hoặc giả như ở bài *Quan thị* thì hai câu đó ai biết đó vòng hay tước, còn kẻ nào hay cuống với đầu lại chính là hai hình ảnh hết sức ví von được rút ra từ hai câu tục ngữ ngồi lá vòng, chống mông lá tước và đầu trở xuống, cuống trở lên...”

Ngoài ra, còn có những bài khác cũng được bà vận dụng từ ý của thành ngữ, tục ngữ như tài tử văn nhân ai đó tá ở bài *Tự tình I* lấy ý của thành ngữ tài tử giai nhân. Ấy ai thăm ván cam lòng vậy...qua bài *Tự tình III* lấy ý thành ngữ thăm ván bán thuyền. Rồi đến bảy nổi ba chìm với nước non từ bài *Bánh trôi nước*, ý của thành ngữ ba chìm bảy nổi hoặc bảy nổi ba chìm và đêm ngày lặn lội đấm cỏ hôi cùng *Con ốc nhồi*, từ ý của thành ngữ lặn lội như cóc bới vôi...”

Cụ khựng khựng trở lại chuyện cũ: “Năm 1804, cụ Nguyễn Du đi gặp sứ Tàu ở ả Nam Quan nhận sắc phong của vua Càn Long cho vua Gia Long, trên đường vào kinh đô Huế, ghé Thăng Long thì gặp bà. Và bà có bài *Bánh trôi nước*, với bài này thì...”

Cụ Tú dường như chỉ đợi dịp này từ lâu nên vắn vẹo:

- Chặc! Bác cứ nói thế... Thế chứ vụng tính vụng suy cách mấy thì bà làm bài này để hoài Lê.

Cụ Cử chậm rãi mời lửa cái đóm nửa lan, rồi từ tốn: “Tôi chả dám luận bàn bà và cụ Nguyễn Du hoài Lê này kia. Có cho ăn gan giời tôi cũng chả dám lạm bàn thơ bà trần tục như đi chơi giảng này nọ mà chỉ thấy thơ bà rất gần gũi với tình tự dân gian. Ngay cả như cụ Nguyễn Du cũng vậy, khi viết về chuyện trăng hoa qua truyện Kiều, cụ chỉ lơ thơ lơ liễu buông mảnh với mưa Sở mây Tần, dập dìu lá gió cành chim. Ấy vậy mà các cụ nhà nho ta còn cho là dâm thư, với *“Ai dâm sâu óan đạo dục tăng bi”*, để có chuyện trường văn trận bút giữa hai cụ Phạm Quỳnh với cụ Ngô Đức Kế. Huống chi thơ bà Hồ Xuân Hương được...”*vua biết mặt chúa biết tên*” dưới đời vua Minh Mạng với *“...giới dâm tặc, thận pháp thù”*, chuyện này tôi sẽ hạ hồi phân giải với bác sau, thưa bác.

Đợi cho cái đóm lửa tắt ngấm, dập dập cái tàn lửa xong cụ tiếp:

“Chẳng phải đợi đến sau này, cụ Nguyễn Công Trứ cho truyện Kiều là *“Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm”*, mà bác Tú nhớ dùm là Thăng Long thành dân cư thời ấy, theo sử sách chỉ từ hai cho tới bốn chục nghìn người, bà Hồ Xuân Hương giao du với một số đông tao nhân mặc khách. Nếu bà có những bài thơ nhiều dâm tính như vậy, sao cụ Nguyễn Công Trứ và sĩ phu Bắc Hà không đã động gì đến. Trong khi qua *Đại Nam Thực Lục* hoặc với *Quốc Sử Di Biên* của ông Thám Hoa triều Thiệu Trị, các quan bộ Lễ, bộ Công triều Nguyễn đều một lòng một dạ gọi bà là *nữ sĩ* hay *nữ tài tử*, tương kính và lịch lãm, như trên bác đã tường.

Khi không cụ Tú lại như gái ngồi phải cọc, lại lóng chóng:

- Bác dậy thế cũng phải...nói phải củ cải cũng phải nghe vậy chứ còn Nguyễn Du với truyện Kiều thì sao. Tôi nghe nói thâm cung bí sử lắm.

Cụ Cử tặc lưỡi: “Úi dào, bác cứ như rần ngày ấy, cứ theo tôi thì cụ Nguyễn Du viết truyện Kiều trong lúc trà dư tửu hậu thì chẳng cao thâm như bác nghĩ đâu, mà phiên phiên chỉ là cụ ấy muốn gửi gắm một cái gì đó cho người tình cũ Hồ Xuân Hương của riêng cụ ấy thôi.

Đầu đuôi là qua bài *Sở Kiến Hành* của cụ viết về chuyến đi sứ thư hai năm Giáp Tuất 1814, cụ tìm được cuốn cổ thư ở bến Hàng Châu. Sách đã mất bìa, ở giữa trang đầu là hàng chữ “*Phong Tình Lục*”, dưới chữ nhỏ hơn “*Thanh Tâm Tài Nhân biên thứ*” và “*Ngũ Văn Lâu tàng bản*”. Mỗi bề hơn kém một gang tay, in thạch bản dòng mười, mỗi dòng hăm nhăm chữ. Cuốn này khởi thủy từ “*Kỳ Tiểu Trừ Từ Hải bản mặt*” của Mao Khôn, một mặc khách trong dinh Hồ Tôn Hiến, nên được biết Thúy Kiều là con hát có thật, được Hồ Tôn Hiến gả cho thổ quan là...hết chuyện, thưa bác.

Tới Thanh Tâm Tài Nhân viết *Kim Vân Kiều truyện* thêm thắt dài dòng từ lúc Thúy Kiều khi còn phong gấm, đi thăm mộ Đạm Tiên, gặp Kim Trọng, bán mình chuộc cha, lọt vào tay Mã giám Sinh, Tú Bà, Hoạn Thư...rồi mới gặp Từ Hải. Sau khi nhẩy xuống Tiền Đường, thêm đoạn gặp vãi Giác Duyên và tái hồi với nho sinh Kim Trọng.

Khi mua được cuốn cổ thư để đọc trong lúc đường xa gió mây, bác Tú ạ, tôi không nghĩ cụ diễn giải qua chữ Nôm cả mấy trăm trang sách ấy để tha nhân mua vui cũng được vài trống canh. Chuyện là về đến Thăng Long hoài cô, hoài cố nhân, đàm trường Cổ Nguyệt Đường đã cửa đóng then gài, bà Hồ Xuân Hương theo chồng đi xa. Xa gần cụ chỉ thấy có một ít người quen biết với cụ lại gần gũi với những nhân vật trong *Kim Vân Kiều truyện*:

Như hai người tình cũ của cụ là hai chị em ruột cô Uy, cô Sạ, cụ liên tưởng với Thúy Kiều, Thúy Vân. Như Nguyễn Huỳnh Đức, Tổng Trấn Bắc Thành bạn cụ, cụ mừng tượng đến Hồ Tôn Hiến. Rồi cụ nghĩ lan man qua bà Hồ Xuân Hương đang là thiếp của Trấn Ái Quan Trần Phúc Hiến. Thế nên cụ Tiên Điền khởi, phục, đóng, mở, ngọn bút tung hoành trên mặt giấy như dấu ngựa dập dồn in trên con đường thiên lý vừa qua. Nét mực căng như cành cây trĩu nhựa để cụ cho Từ Hải Trần Phúc Hiến...chết đứng. Chưa hết, còn vãi Giác Duyên trong truyện Kiều, không ai ngoài hình ảnh bà Hồ Xuân Hương khi bà đi tu ở chùa Hoa Yên núi Yên Tử. Tận cùng thì qua nét thảo chập chờn gieo trên giấy ngà hoa tiên như những giọt sương xuân để...Thúy Kiều Hồ Xuân Hương tái hồi...Kim Trọng Nguyễn Du“.

Thêm nữa với thời buổi bây giờ với bác với tôi thì đa tình không hẳn là dâm dật, nhưng nằm trong cái túi càn khôn của các cụ ta xưa thì “*Tham thì thâm, đa dâm cũng chết*”. Ngay cả các cụ ta xưa chê trách *Đoạn Trường Tân Thanh*, nhưng vẫn bênh vực nàng Kiều qua câu “*Rày thì đừ mẹ cái hồng nhan*”. Nên không hiểu sao, tôi lại nghĩ đại: Cụ Nguyễn Du viết truyện Kiều là muốn lập đàn giải oan cho bà Hồ Xuân Hương là thế đấy, thưa bác.

Như trên tôi vừa luận cổ suy kim với bác, cứ theo như dân gian truyền khẩu thì vua Minh Mạng, vì nhân gian hay sùng phụng dâm từ như “*Son bất cao, thủy bất thâm, nam đa trá, nữ đa dâm*” đụng chạm đến con cháu thần dân của ngài ở núi Ngự sông Hương. Nên ngài sai quan bộ Lễ Hoàng Công Lý: “*Cung nhân luân, chính tâm thuật, giới dâm tặc, thận pháp thù*”. Thế nhưng theo một thuyết khác, câu sùng phụng dâm từ trên chẳng phải là từ truyền miệng dân già mà là của vua Minh Mạng nhắm vào...bà Hồ Xuân Hương vì bà có họ hàng hàng hốc với vua Quang Trung Nguyễn Huệ, vì những bài thơ đầy thế tục của bà. Cái sầy nầy cái ung, thế là quan bộ Lễ cho dẹp tín ngưỡng phồn thực ở miếu Trò, thôn Trám của ông Nguyễn Quang Hòa, thế nên trong dân già mới có bài *Khóc Tổng Cóc*.

Dậu đổ bìm leo, tôi suy ra vậy chẳng hiểu có hợp nhẽ chẳng. Tiếp đến cái váy chẳng tội tình gì cũng mang vạ “*Tháng tám có chiếu vua ra, cấm quần đay người ta hải hùng*”. Tạm cứ cho bà là tác giả của những bài thơ đầy dục tính ấy đi, bác cứ ngẫm mà xem rằng sao ngài là người trọng chữ nghĩa với nho phong, bắt bẻ từng cái tên phủ quận, xoi mới chứng từ, chiếu chỉ từng ông thần hoàng của làng xã, rồi cấm đàn bà con gái mặc cái...“*Vừa bằng cái trống mà*

*thùng hai đầu - Bên Tây thì có bên Tàu thì không*". Vậy chứ có sự gì ngài bỏ qua không đếm xỉa gì đến những bài như... *Trống thùng, Ông cử võ, hay Vịnh nữ vô âm*. Ấy là những bài thơ nhếch nhác không hề có ý nghĩa nhân sinh nào mà chỉ là sự dung dục đến mức quá quắt. Ông cử võ không có giá trị văn chương ngôn từ nào mà chỉ là sự mô tả cái đó của người nam. *Vịnh nữ vô âm* còn đẩy lên một mức về sự gợi dục cùng cái đó của người nữ. Ngay như bài thơ đầu đề không được tao nhã cho lắm là bài *Dương vật với "Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn - Ban đêm không mắt sáng như đèn - Đâu đội nón da loe chóp đỏ - Lung đeo bị đạn rủ thao đen"*.

Tôi biết bác lúc nào cũng vạn sự giai không, tôi thì khác, nhiều đêm vắt tay lên trán, già rồi lắm cảm hay sao ấy. Với "*Ban đêm không mắt sáng như đèn*" tôi lại liên tưởng đến cái cảnh vác súng đi săn đêm với...mắt sáng như đèn pha. Rồi lại ngớ ngẩn tự hỏi là thời bà có... "*bị đạn*" chẳng. Chưa hết, chả là như bài *Ngủ quên* thì lộn tung phèo tên với bài *Thiếu nữ ngủ ngày* mà ai đây sao chép trong *Vân Đài Loại Ngữ* của Lê Quý Đôn, ấy là bài "*Diệp đa*": "*Minh nguyệt muội tường hắc dạ - Muội tọa, muội khả thế sự xuất - Thế sự như diệp đa - Hắc tựa khẩu khuyển, trâm phụ thế sự*".

Thế là thân già vác dùi nặng, tôi lại mò mẫm cái... "*bị đạn*" qua *Thượng Kinh Ký Sự* của cụ Hải Thượng Lãn Ông thời vua Lê chúa Trịnh để tìm tòi cũng chẳng thấy gì. Chỉ thấy ốc mò cò soi ngoài chuyện cụ Nguyễn Du... "*đi săn*" và...ăn thịt cây. Cuối cùng lọt sàng xuống nia bắt gặp cái đu của cụ Nguyễn Khuyến, chỉ mới có trong cuộc lễ Quốc Khánh của tháng Tây. Rồi dậu đổ bìm leo, bắt qua bài *Đánh đu* của bà Hồ Xuân Hương thấy ai đó phỏng theo bài cây đu vốn có sẵn trong tập *Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập* với câu kết "*Chơi xuân hết tác xuân đường ấy - Nhỏ cột đem về để lỗ không*".

Trước đây tiến Sĩ Phạm Quý Thích là bạn bà và cũng là người khắc bản và in thơ Nguyễn Du. Nhờ vậy, tôi được biết thêm *Tang Thương Ngẫu Lục* của Phạm Đình Hồ và *truyện Kiều* của Nguyễn Du, được Phó Bảng Kiều Óanh Mậu thời vua Thành Thái, viết chú giải, đề tựa và cho khắc in trên bản gỗ. Đến đây tôi đâm thao thức, đang đêm lóp ngóp dậy đếm, hóa ra người sau dựa vào *Giai nhân di mặc* rồi tưởng tượng ra một "biên niên tác" là ngoài tập *Lưu Hương ký* với chữ Hán, bà có khoảng năm mươi bài thơ chữ Nôm. Tự cổ chí kim trong văn học sử nước nhà, không một nữ nhân nào lại có nhiều tác phẩm như vậy. Phạm Đình Hồ, Nguyễn Du và bà Hồ Xuân Hương là ba người cùng thời, vậy có sao cụ Phó Bảng và tiến sĩ Phạm Quý Thích lại chĩa cho khắc chữ in thơ của bà. Trăm dâu đổ đầu tằm, tôi nghĩ đại là thơ bà không lắm đến độ như vậy, thừa bác.

Vì vậy tôi lại càng bám sâu chôn chặt là có nhiều bài không phải là của bà, như chuyện không đầu mới tám, chín tuổi, bà bị ngã lăn đùng ra để có khẩu khí rất nam tử là...đo xem đất vắn dài. Không thừa thốt bác cũng hay, thời ấy phận đàn bà con gái chỉ học đến *Lục thư tân văn* là hết đất, chẳng ai dạy bà dịch lý với y lý để làm...ông lang. Nên ở cái tuổi đôi mươi ở quê nhà, bà không thể hấp thụ...qui, thân, liên, nhục tằm mang đi trong bài *Bờn bà lang khóc chồng*. Hoặc bờn cột với anh đồ tình, anh đồ say Chiêu Hồ...mặc áo giáp dài cài chữ đình.

Nhân chuyện Chiêu Hồ, vua Minh Mạng kinh lý Bắc Hà, nghe tiếng ông văn hay chữ tốt và *đạo đức*, bèn vời ông về kinh soạn sách *Nhất Dụng Thường Đàm* với "*phong tục lễ nghi*". Chiêu Hồ nếu có xướng họa với bà cũng trong vòng luân thường đạo lý, nên những bài thơ phạm tục giữa hai người như Chiêu Hồ đã đối đáp: "*Rày thi đù mẹ cái hông nhan*" tôi mạo muội cho là thiên hạ thù dệt thêm đây thôi.

Thêm mắm thêm muối thì câu...*Rày thi đù mẹ cái hông nhan* chẳng phải là của Chiêu Hồ mà là của...Nguyễn Công Trứ, thừa bác.

\*\*\*

Ngồi đồng một lúc lâu, cụ Tú như cóc say thuốc lào, lại có chuyện ôm rơm rặm bụng đã lâu, nên một công đôi ba chuyện, tiện đây cụ hỏi cho ra lẽ. Cụ khề cần cổ lấy giọng rồi khụm miệng láo ngáo:

- Này bác ạ, thằng Phán nhà tôi moi móc trong *Giai Nhân Di Mặc* của cụ Đông Châu Nguyễn Hữu Tiên viết: *Bà là người tầm thước, mặt đỏ hoa mè, nước da ngăm ngăm đen, với ẩn ức cùng dồn nén này kia, tôi chả hiểu gì sất cả.*

Cụ Cử lơ đãng nhìn ra ngoài vườn như suy nghĩ gì nung lăm, rồi quay lại với cụ Tú, trán hơi nhăn và thở ra: “Giờ ạ, chán cụ Đông Châu thật, đúng là cụ ấy mắc chứng gờì bò gì chẳng biết nữa. Nói cho ngay tôi chả biết cụ ấy thông thiên bát cổ thể nào để dựa vào kinh điển mà trích thuật như vậy. Cũng ngại bác trách tôi cái tật sính tầm chương trích cú, chứ theo tôi thì sử nhà Nguyễn qua tập *Trịnh Nguyễn Diển Chí* của Nguyễn Khoa Chiêm không nói gì nhiều về nhà Tây Sơn. Ngay cả nhân dạng của Quang Trung Nguyễn Huệ: *Mắt ốc nhồi, tiếng nói sang sảng như chuông, sử cận đại cũng phải trích dẫn từ tài liệu của các nhà truyền giáo Dòng Tên tận phương Tây.*

Ngay khi bà mới 15, 16 tuổi, Dương Tri Tạn, một danh sĩ trong làng, thấy bà hồn nhiên dễ thương. Dương Tri Tạn đã làm bài thơ tả cái điệu *bát* cũng là để tả dung nhan bà: *"Eo lưng thắt đáy thật xinh xinh - Điếu ai hơn nữa điệu cô mình"*.

Cụ Tú lại chộn rộn càng rằng:

- Chặc! Bác cứ nói thế...Thế hóa ra thiên hạ theo đóm ăn tàn với cụ Dương để làm bài *Vịnh cái điệu bát* chẳng.

Làm như không nghe cụ Tú bàn ngang, cụ Cử rít một hơi thuốc lều kêu ro ro, chiêu một ngụm trà rồi lừ đừ nhả khói rồi tiếp: “Theo thiên nghĩ tôi, bà giao du rộng, có là người tài sắc, hoa thơm bướm lượn thì mới có tao nhân mặc khách ở chung quanh mà trong đó có Nguyễn Du với nàng Kiều *"Thiếp như hoa đã lia cành – Chàng như con bướm lượn vành mà chơi"*. Thuở 18, thấy Hồ Xuân Hương xinh đẹp, Nguyễn Du trong bài *Mộng thấy hái sen* đã kín đáo ví bà...*"Hoa sen đẹp xinh xinh"*. Năm bà 35 tuổi, chàng thi sĩ đa tình Tôn Phong làm thơ ca tụng vẻ đẹp của nàng trong thi tập của mình: *"Như dáng cây mai, xinh cốt cách - Mừì phần xuân sắc rạng trời xanh"*.

Ngoài tài thơ văn cũng như cung cách của bà, Tôn Phong đã diễn tả trong bài tựa Lưu Hương Ký: "Xuất phát từ những mối tình mà biết dừng lại trên *lễ nghĩa*". Tứ thơ dồi dào, nhưng vẫn tỏ ra vui mà *không buông tuồng*. Thật là *do tính tình nghiêm chỉnh* mà ra“.

Cụ Cử lấy cái quạt đập con ruồi đậu trên mép mình, ngần ngừ:

- Bác Tú ơi, tâm viên ý mã với bà Hồ Xuân Hương, nếu tôi có bạo gan lộng thiên hí địa xin bác cũng chằm chước cho. Vả lại, ở cái thời buổi chẻ hoe vắng ngắt này, chỉ có bác và tôi đem chuyện chổi cùn rế rách ra nói trộm sau lưng các cụ vậy thôi...

Cụ chiêu một ngụm trà. Cũng vừa lúc thấy cô con cấp rồ đi chợ về. Cụ bâng quơ:

- Để tôi bảo cháu nó làm bữa cơm rau muối quá quá cho xong bữa. Nhân tiện hôm nào ngày lành tháng tốt, xin bác coi trầu khay thuốc cho anh Phán nhà bác với cô con gái rượu của tôi. Sợ để lâu quá, đá nát nung vôi lại nòng, lại tai bay vạ gió như...bà Hồ Xuân Hương thì cũng quá khổ, thưa bác.

\*\*\*

Đợi cụ bạn khuất sau cuối ngõ. Cụ Cử đóng cánh cửa cổng lại và lững thững đi vào, trong cái nắng chênh chếch của chiều tàn nhạt sương gieo, hoa tàn nguyệt tận, cụ quên ngay câu chuyện ba đồng một mớ trầu cay. Cụ cũng không nhớ đến những Chiêu Hồ, những Nguyễn Du, những Trần Phúc Hiển. Ngay cả một số bài thơ của bà Hồ Xuân Hương vẫn còn đấy, với người đọc, bà vẫn *"Đánh đu"* tung hê hồ thỉ bốn phương trời. Với những người viết về bà, bà vẫn là con *"Ốc nhồi"* nặng nợ eo sèo nhân thế. Phe phẩy cái quạt đập thêm...con ruồi nữa, cụ lại lan man về cụ Tú Tây Hồ, nói đến bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương, cụ ấy chỉ quanh quất với những bài như *Quả mít, Giếng nước, Hang cắc có, Bánh trôi nước*. Cụ ấy chả bụng dạ gì đến những bài như *Thùy vân hương, Hải ốc trừ, Xuân đình lan điệu*, rõ ra vẫn là người là ở đấy.

Riêng với cụ, buồn tênh giải bèo đầu, bể hợn không duyên nợ, chẳng cần cụ Tiên Điền với tài mệnh tương đố. Mà cuộc đời bà cũng chẳng ba chìm bảy nổi với bài *Bánh trôi nước* như cụ Tú đã luận, cứ theo cụ thì cụ ngẫm thấy bà có một bài thơ gói ghém những lận đận không ngoài hai chữ hẩm hiu và nhất là những thị phi mà nó vận vào bà. Đó là bài *Đồng tiền hợn*:

*Mở mặt vương tròn với thế gian  
Kém cạnh cho nên mang tiếng hợn*

Trúc gia trang  
Tiết xuân, Canh Dần niên  
Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

*Nguồn: Hoàng Xuân Hãn, Trịnh Văn Thanh,  
Thế Uyên, Đặng Thanh Hòa, Phạm Trọng Chánh*

### Giữa đất trời giao hưởng/Theo sóng từ trường/ Gặp gỡ Thụy Khuê/Trên một chặng bút trình (trích đoạn Hồ Trường An mạn đàm với Thụy Khuê)

Hồ Trường An: *Chào chị Thụy Khuê, động cơ nào thúc đẩy chị soạn cuốn biên-khảo-mạn-đàm “Nói Chuyện Với Hoàng Xuân Hãn Và Tạ Trọng Hiệp”? Có phải chị muốn chính mình được biết tư tưởng, hành động, hoài bão, dự phóng của những kẻ tuy nổi trôi trên dòng lịch sử mà vẫn làm văn hóa không? Có phải chị muốn tìm hiểu thời đại và xã hội mà họ dần thân suốt chiều dài hành trình của họ không? ...*

Thụy Khuê: Thưa anh, khi soạn cuốn *Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp* tôi chỉ muốn tập hợp những bài nói chuyện với hai học giả đã được phát thanh trên đài RFI từ năm 1993 đến 1997 và đã in trên tạp chí Hợp Lưu. Cuốn sách phát hành sau khi họ qua đời như một tác phẩm tưởng niệm, nhưng cũng để sửa lại những sai lầm về văn bản, bởi loạt bài nói chuyện với bác Hãn (xin phép anh được dùng chữ bác Hãn, vì tôi đã quen gọi bác như vậy) in trên Hợp Lưu, đã được sách báo trong nước lấy lại, nhiều chỗ tùy tiện thêm bớt, trái với tinh thần nghiên cứu khoa học và làm sai ý bác Hãn. Đó là lý do thực tiễn. Động cơ sâu xa hơn, và cũng để trả lời chính xác câu hỏi của anh, tại sao tôi tìm gặp hai nhà văn hoá trên, là như thế này:

Về bác Hãn, có lẽ phần đông chúng ta đều đã «biết» Hoàng Xuân Hãn qua sách vở giáo khoa, nhưng không mấy ai có dịp tiếp xúc với con người. Khoảng 1983-84, tôi được đọc bài *Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long* của bác in trên tạp san Khoa Học Xã Hội ở Paris, bài viết đưa ra một Hồ Xuân Hương chưa từng có trong hình ảnh Hồ Xuân Hương «của tôi». Năm 1988, tôi lại có dịp nghe bác nói chuyện về Hồ Xuân Hương. Vì thế, từ (1990) khi phụ trách chương trình văn học nghệ thuật hàng tuần của đài RFI, tôi vẫn muốn giới thiệu với thính giả những khám phá mới của Hoàng Xuân Hãn về Hồ Xuân Hương, và đầu năm 1993, tôi thực hiện chương trình nói chuyện đầu tiên với bác Hãn về Hồ Xuân Hương. Sau khi loạt bài này được phát thanh về nước, có một số người đã sang Pháp, tìm đến bác để học hỏi thêm. Có lẽ vì thấy ảnh hưởng nhanh chóng và rộng rãi của truyền thanh, cho nên những lần sau, khi tôi tìm gặp, bác đã nói về tất cả mọi vấn đề, trả lời mọi câu hỏi mà không ngần ngại gì cả. Điều đó làm cho anh Hiệp có lúc đã hỏi tôi: «*Thụy Khuê làm thế nào mà hỏi bác được những «chuyện ấy», trong khi bao nhiêu năm tôi ở cạnh, hỏi bác mà bác không trả lời*». Điều mà anh Hiệp gọi là «những chuyện



ây», chính là cái mà anh (Hồ Trường An) gọi là «*tư tưởng, hành động, hoài bão, dự phóng của những kẻ tuy nổi trôi trên dòng lịch sử mà vẫn làm văn hóa*».

Vâng đúng như anh nghĩ, chủ đích của tôi là muốn cho người nghe cũng như người đọc biết được con đường Hoàng Xuân Hãn đã đi, trên hai mặt lịch sử và văn hóa trong bao nhiêu năm sống xa đất nước. Hoàng Xuân Hãn (cũng như Tạ Trọng Hiệp) đã làm những gì cho văn hoá nước nhà. Gặp bác tôi mới biết công trình đồ sộ bác nghiên cứu từ nửa thế kỷ qua là Kiều, bản thảo nhiều trang mực đã nhoè, mà hầu như ít người biết đến. Hoặc là giới trí thức thân cận bác thời ấy có biết nhưng họ không để ý. Bác say sưa nói về những khám phá mới, về những chữ trong Kiều bị tam sao thất bản mà bác đã tìm ra, chỉnh sửa lại...

Hoàng Xuân Hãn là nhà nho kín đáo, thận trọng, không thích nói về mình, cho nên bác không tự nhiên «thổ lộ» những điều có tính cách riêng tư, nếu không vì lợi ích chung. Xin kể anh nghe một chi tiết này: Một hôm tôi đến, bác dẫn vào phòng trong chào bác gái, lúc ấy đang bận tiếp một bà bạn. Chào xong, đi ra, bác cười và nói nhỏ với tôi: «*Chuyện của các bà thì có đến 90% là thừa*». Ý nghĩ hóm hỉnh ấy của bác cứ theo tôi mãi, nhiều khi đang nói chuyện với ai, tôi cũng thử kiểm soát xem những điều mình nói có cần thiết không, hay là «thừa». Anh thử để ý mà xem, mình nói thừa, viết thừa nhiều lắm. Cho nên tôi lại càng hiểu sự kiệm lời của những người như Hoàng Xuân Hãn. Gặp tôi đúng lúc bác thấy có những điều cần nói và có lẽ chính bác cũng cảm thấy không còn thì giờ viết hồi ký, hoặc không muốn viết, cho nên bác đã «trao» những lời ấy cho tôi. Đó là cái duyên hạnh ngộ anh ạ. Theo tôi, ở đời mọi chuyện đều do nhân duyên cả. Anh Tạ Trọng Hiệp có tạng khác hẳn thầy Hãn, trong chỗ riêng tư anh ấy nói hết, anh Hiệp có những lời phê bình «kinh khủng» đối với những kẻ mà anh không thích. Anh Hiệp là thầy đồ Tây, tôi thích tính nói thẳng của anh. Theo tôi, hai thầy trò là hai khuôn mặt văn hoá dần thân, nhưng không dần thân theo nghĩa thông thường, như xuống đường hành động, viết tham luận chống đối, hoặc làm chính trị (Hoàng Xuân Hãn có làm chính trị, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn) mà họ dần thân trong nghĩa sâu hơn, *dần thân trong suy nghĩ*, và đó, tình cờ, cũng là một trong những định nghĩa dần thân rất sâu xa của Sartre.

Hồ Trường An: *Xin chị tóm tắt phương pháp biên khảo của Hoàng Xuân Hãn và của Tạ Trọng Hiệp ở những điểm đặc sắc cùng những điểm tương đồng và dị đồng của họ.*

Thụy Khuê: Hoàng Xuân Hãn có kiến thức hết sức rộng bao trùm cả Hán học lẫn Việt học, có cái nhìn vừa tổng hợp, vừa phân tích trên mọi vấn đề, và có thể nói về bất cứ vấn đề gì mà không cần tra cứu. Tạ Trọng Hiệp không có được kiến thức toàn diện của thầy, nhưng anh rất thận trọng, và khi làm việc anh khoanh vùng, đào sâu vào chi tiết, muốn tất cả phải toàn bích, do đó anh viết rất kỹ và rất ít. Khi hỏi anh Hiệp một điều gì, thì anh tra cứu trước khi trả lời, khác hẳn bác Hãn, trả lời ngay. Theo tôi, cả hai cùng có một tinh thần nghiên cứu khoa học mà ít nhà nghiên cứu (Việt Nam) đạt được: Hoàng Xuân Hãn đi rộng và đi xa, đưa ra những nghi vấn trong văn học, mở những hướng mới cho người sau tiếp tục tìm kiếm. Tạ Trọng Hiệp xới lên những thiếu sót, sai lầm không chấp nhận được trong những văn bản cổ (ví dụ tìm những chỗ Lê Quý Đôn đã chép lại sách Tàu mà không đề xuất xứ). Tạ Trọng Hiệp dịch thuật, hiệu đính và phát hiện ra những cái mới.

Hồ Trường An: *Cũng đồng thời làm thơ chữ Hán, nhưng sao tập “Lưu Hương Ký” của bà Hồ Xuân Hương được cụ Hoàng và ông Tạ cùng ông Nguyễn Ngọc Bích (trong quyển “Hồ Xuân Hương : Tác Phẩm”) chiếu cố tận tình trong khi 3 bà công chúa con vua Minh Mạng và cũng là em cùng mẹ của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm là Nguyệt Đình, Mai Am và Huệ Phố cũng làm thơ chữ Hán nổi tiếng khắp Đê Đô Huế lại bị văn học sử lãng quên (hoặc bỏ rơi cũng thế).*

Thụy Khuê: Hồ Xuân Hương là tác giả nổi tiếng trong văn học Việt Nam cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Nhưng chúng ta chỉ biết văn chương của bà qua những gì đã truyền tụng như một huyền thoại. Cho tới thập niên 60, người ta vẫn chưa biết, bà sống đích thực vào thời nào, sinh quán ở đâu. Từ lâu Hoàng Xuân Hãn đã lưu ý đến việc này. Thập niên 50, bác có đọc một tài liệu nói rằng Hồ Xuân Hương là tiểu thiếp của một ông quan hiệp trấn tỉnh Quảng Yên. Đến năm 1952, qua Pháp, làm việc ở thư viện quốc gia, tình cờ bác tìm thấy trong một cuốn sách địa dư có nói đến tỉnh Quảng Yên, và ở cuối phần ấy ghi sáu bài thơ đề là của Hồ Xuân Hương. Bác liền bèn liên lạc hai sự kiện ấy với nhau và bắt đầu tìm lại dấu vết Hồ Xuân Hương. Bác liền kết những dữ kiện lẻ tẻ mà một số nhà nghiên cứu trước đã tìm ra, với những điều bác vừa tìm được, để chứng minh về mặt văn bản rằng: Những bài thơ trong tập Lưu Hương Ký (do một ông cử nhân người làng Hành Thiện đã phát hiện trong tủ sách gia đình của mình và gửi cho Trần Thanh Mại thập niên 50), là đích thực của Hồ Xuân Hương. Trong khi khảo sát văn bản, bác lại tìm ra một số tình nhân của bà.

Như vậy Hoàng Xuân Hãn đã làm hai việc: xác định tác phẩm chính của Hồ Xuân Hương (là Lưu Hương Ký) và xác định những nét chính về cuộc đời Hồ Xuân Hương (mà trước đó chúng ta chỉ mới biết huyền thoại).

Từ đó, sinh ra một giả thiết mới là có một Hồ Xuân Hương (tác giả Lưu Hương Ký, thơ chữ Hán rất đứng đắn) và một hay nhiều, gọi chung là trường phái Hồ Xuân Hương, tác giả những bài thơ nôm nổi tiếng mà chúng ta đã biết.

Trở về với câu hỏi của anh: Trường hợp Hồ Xuân Hương khác với trường hợp của các công chúa con vua Minh Mạng. Các công chúa, tên tuổi, sự nghiệp, trước tác, đều đã được ghi nhận rõ ràng trong sử sách triều đình, nhưng lại không nổi tiếng trên văn đàn. Còn Hồ Xuân Hương là người nổi tiếng trên văn đàn, nhưng tác phẩm và tiểu sử lại rất mơ hồ. Vì vậy mà các nhà nghiên cứu đều cố gắng tìm hiểu để soi tỏ những chỗ mơ hồ ấy. Còn như nếu cần phải đánh giá (lại) tác phẩm của các công chúa con vua Minh Mệnh, thì việc ấy thuộc về các nhà phê bình.

Hồ Trường An: *Cụ Hoàng Xuân Hãn phủ nhận bà Đoàn thị Điểm không phải là tác giả bản dịch thiên trường ca "Chinh Phụ Ngâm" và cụ có đủ tài liệu để củng cố cho lập luận của mình. Nhưng cụ lại hoài nghi Ngọc Hân Công Chúa không phải là tác giả thiên trường ca đẫm lệ "Ai Tư Vãn», mà là do người khác trước tác theo cái sentiment (sic/ tình cảm) của bà mà thôi. Cụ Hoàng Xuân Hãn không có tài liệu nào chứng minh lập luận của mình. Cái hoài nghi của cụ cũng dựa trên cái sentiment của cụ đấy thôi. Nhưng chị nghĩ sao đây? Bài "Văn Tế Vua Quang Trung" do Ngọc Hân Công Chúa soạn ra để truy điệu ngài rất đẹp lời, rất thiết tha tình ý và có giọng điệu của bài "Ai Tư Vãn". Không lẽ bài văn tế đó cũng do kẻ khác viết hay sao?*

Thụy Khuê: Trước hết, xin nói rõ hơn về câu tôi hỏi bác: «*Thưa bác, Ai Tư Vãn có thể không phải do Ngọc Hân viết ra?*», đó là một câu hỏi phụ, trong phần về vua Quang Trung. Sở dĩ tôi hỏi như vậy, vì trong thâm tâm vẫn có ý nghi ngờ không chắc có phải Ngọc Hân viết bài thơ ấy; một mặt vì tôi thấy văn chương bài *Ai Tư Vãn* rất hay, hết sức chải chuốt; một mặt lại cũng không thấy sử sách nhắc đến thi tài của Ngọc Hân như Hồ Xuân Hương hay Đoàn Thị Điểm. Về câu hỏi này, Bác Hãn, như thường lệ, cũng đã trả lời ngay: «*Oui, tôi thì tôi không tin là của Ngọc Hân đâu*» và bác đưa ra lý do là những người có chức vị cao như tổng thống Mitterand, thường có «*nègre*» viết hộ; hoặc bài *Văn Tế Trần Vương Tướng Sĩ* mà mọi người cứ tưởng là của Nguyễn Văn Thành, nhưng có phải Nguyễn Văn Thành viết đâu, Nguyễn Huy Lãng (tức Nguyễn Huy Lượng) tác giả Tụng Tây Hồ phú viết hộ đấy. Theo bác, người mình «*duy tâm*» suy nghĩ theo cảm tính, cứ thấy cô công chúa thì thích... để như thế. Nhưng bác cũng nói thêm :»*Đó chỉ là một «sentiment» thôi. Cụ Lê Dư trước có nói với tôi rằng, bài văn ấy của một ông tên*

là Nhi, gì ấy, tôi không nhớ rõ». Tôi lại hỏi: vậy có phải Phan Huy Ích viết hộ không? Thì bác bảo: «Không phải Phan Huy Ích, nhưng nếu chúng ta có chứng cứ gì là của Phan Huy Ích thì cũng có thể tin được». Đó là lời nói của Hoàng Xuân Hãn để hướng dẫn người sau tiếp tục tìm kiếm, ít nhất về hai hướng: Phan Huy Ích và một người nữa tên là Nhi do cụ Lê Dư đề xuất. Giáo sư Trần Văn Khê kể lại một giai thoại khác: khi làm luận án về nhạc học, ông muốn tìm nguồn gốc giọng sa mạc, ông hỏi Hoàng Xuân Hãn, bác Hãn bảo: cứ thử tìm về phía Ả Rập chắc sẽ thấy. Và Trần Văn Khê cho biết: quả như lời bác Hãn, điệu sa mạc của ta có nguồn gốc Ả Rập.

Cho nên cái mà Hoàng Xuân Hãn gọi là «sentiment», chỉ có nghĩa là: tôi mới nghĩ như thế, nhưng chưa kiểm chứng được, vậy bạn hãy tìm cách kiểm chứng, để xác định hoặc phủ định ý kiến của tôi.

Trong cuốn *Quốc Văn Đời Tây Sơn*, Sơn Tùng (tức Hoa Bằng) Hoàng Thúc Trâm - để chứng minh Ngọc Hân mất năm Kỷ Mùi (1799), trước khi nhà Tây Sơn đổ (1802) - đã tìm ra năm bài văn tế Ngọc Hân do Phan Huy Ích viết, ông viết: «*Chứng cứ ấy tôi tìm được ở năm bài văn tế, do một yếu nhân đời Tây Sơn là cụ Dụ Am Phan Huy Ích đứng thảo: Một bài cho vua Cảnh Thịnh, một bài cho các con gái vua Quang Trung, một bài cho Phù Ninh từ cung là mẹ đẻ của Ngọc Hân, một bài cho cựu hoàng Sòng là những người trong tôn thất nhà Lê và một bài cho các bà con họ ngoại bên Phù Ninh để đọc trong những tuần tế điện bà Ngọc Hân tức Vũ Hoàng Hậu*» (trích *Quốc Văn Tây Sơn*, Sơn Tùng Hoàng Thúc Trâm, trang 82-83, Vĩnh Bảo, Sài Gòn, 1950). Điều này càng chứng tỏ Phan Huy Ích là một trong những cây bút chính thức của triều đình Tây Sơn, do đó, rất có thể, ông hay một cây bút chính thức khác đã viết hộ Ngọc Hân bài *Văn tế vua Quang Trung* chẳng? Đây cũng chỉ là một giả thiết, chúng ta chưa có bằng chứng cụ thể bằng văn bản.

## Những mảnh tình thơ của Hồ Xuân Hương Hải Bằng, HDB

HXH đã giữ hình ảnh của những ai trong trái tim tình của mình?

Trước hết phải nói rằng XH có một tâm hồn lãng mạn với một ý chí vững vàng. Tại sao vậy? - Bởi vì XH đẹp, lại có tâm hồn văn chương, và được giáo dục tốt. Người nào có tâm hồn văn chương mà không lãng mạn cũng như người nào có tâm hồn ăn uống mà lại nhin ăn? Tưởng cũng nên để ý rằng vào cuối thế kỷ thứ 18, cái không khí lãng mạn trong thi văn đã tỏa ra từ nhiều tác phẩm thơ Nôm lục bát như Hoa Tiên của Nguyễn Huy Tự (1743- 1790) mô tả truyện tình giữa Lương Sinh và Giao Tiên, cả hai đều xuất thân từ quý tộc, cùng trải qua một cuộc tranh đấu giữa tình cảm và lý trí, giữa tình yêu tự do thoải mái và khuôn khổ lễ giáo khắt khe. Hay, truyện Phan Trần, thơ Nôm lục bát, khuyết danh (hai họ Phan - Trần, đời Tống, thế kỷ 11) mô tả một chuyện tình rất say đắm, ngọt ngào, và tự nguyện yêu nhau của một đôi trai tài, gái sắc diễn ra từ một ngôi chùa. Lời văn viết rất lãng mạn đến nỗi người ta có câu: “Đàn ông chớ kể Phan Trần; đàn bà chớ kể Thúy Vân, Thúy Kiều.” Xin trích dẫn một đoạn đối đáp giữa Ni Cô Diệu Thường (Trần Kiều Liên) và Phan Tất Chính lúc chàng đang khuya lên tìm đến chốn ni cô ngỏ lời van xin tỏ tình với nàng.

Họ Phan van xin:

Người ở trong đó có thương người ở ngoài này chăng? Nhờ có lời thăm hỏi khiến văn sinh khỏi bệnh [tương tư] nên đánh bạo đến đây tạ lòng. Nàng đã có lòng thương hỉ xả bao dong cho, nỡ nào để văn sinh chịu gió sương lạnh lùng ở ngoài này!

Diệu Thường kinh ngạc đáp:

Ở đây tai vách mạch rừng, lại giữa lúc đêm hôm khuya khoắt, xin người chớ có nhiều lời. Tiểu ni đã quyết giữ trọn một bề rồi, người có lòng thương, tiểu ni cũng đội ơn, mà người có trách thì tiểu ni cũng đành chịu. Rút dây chẳng sợ động rừng hay sao mà người dám làm những chuyện lố lăng như vậy để cho miệng thế cười chê? Thôi, thôi, tiểu ni van lạy người hãy bỏ qua đi và trở về nghỉ ngơi tĩnh dưỡng kéo bệnh tình tái phát thì nguy hiểm biết chừng nào. Những lời văn ướm át như trên hiện vẫn còn tồn tại trong những vờ tuồng cải lương có đệm theo với sáu câu vọng cổ thật là mùi. Cho nên, tâm hồn của XH không thể không chịu ảnh hưởng của loại văn chương lãng mạn của thời đại và quả XH đã yêu và đã không chỉ yêu có một người, vì mỗi thời điểm, mỗi hoàn cảnh đưa đẩy, XH lại tìm thấy những rung động mới của con tim chưa bị hoàn toàn chiếm hữu bởi một ý trung nhân nào và XH luôn luôn còn tự do để mà giăng mắc, vẫn trong vòng lễ giáo, với những người hiểu nàng, biết giá trị của nàng, và trên hết, thành thực có tình yêu với nàng, ít nhất là về mặt văn bút.

Người yêu thuở ban đầu của HXH là ai?

Người đó là Nguyễn Du (ND) tự là Tố Như, mặc dầu lúc đó Nguyễn Du, 25 tuổi, đã có vợ (nghe lời anh lập gia đình vào năm 1786 và về ở bên vợ họ Đoàn ở để có chỗ tạm nương thân, và rồi được đề bạt làm Chánh Thủ Hiệu tại Thái Nguyên, thời Chúa Trịnh) còn XH đang độ xuân-thì phơi phơi 18 tuổi xanh. Trong khoảng 1790 – 1793, hai người đã “yêu vì nét, trọng vì tài” và chỉ tỏ tình với nhau qua thơ văn mà thôi.

Chắc vì nhà XH ở ven Hồ Tây và thường ngày XH xuống hái sen, nên ND mới làm bài “Mộng Thấy Hái Sen” kín đáo tỏ tình với XH bằng những câu như: “Hoa sen đẹp xinh xinh” và “Hoa sen ai cũng phải yêu”, “Nàng đến tự bao giờ? Cách hoa chỉ thấy tiếng cười” và “Hái sen chớ đụng ngó. Năm sau hoa chẳng sinh”.

Những lời tán tụng phát xuất tự con tim của chàng như thế làm sao trái tim yêu còn trinh nguyên của nàng không khỏi rung động bồi hồi? Đây là những dấu ấn của tình yêu thật khó phai. Tình yêu ban đầu của XH dành cho Tố Như được nàng thổ lộ trong 14 bài gửi cho ND còn ND gửi cho XH 6 bài (theo biên khảo của TS Phạm Trọng Chánh) và mối tình này có lẽ kéo dài khoảng ba năm (1790- 1793). Đây là một vài câu đối đáp giữa Tố Như và Xuân Hương: ND viết: “Tây Hồ cảnh đã hoang vu”

XH đáp: “Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa” (phải chăng XH muốn nói nàng vẫn yêu ND?)  
Rồi XH xác quyết thêm: “Cây có vàng xanh tỏ tấm lòng” [Ồ, thật say sưa quá!]  
ND đáp: “Một vầng trăng sáng tỏ tình ta” [Ồ, thật mê ly quá!]

Nguyễn Du Tố Như tiên sinh có một bài thơ chữ Hán tựa đề là “Độc Tiểu Thanh Ký Cảm Tác”. Theo lời kể lại của Tịnh Thủy Tôn Thất Tùng lúc qua Hàng Châu, Trung Quốc vào năm 1886, ngoạn cảnh Tây Hồ, ông được một người Tàu gốc Việt tên là Quách Hán cho coi bức tranh có bài thơ “Độc Tiểu Thanh Ký Cảm Tác” (ĐTTKCT) của Nguyễn Du làm lúc Nguyễn Du đi sứ năm 1813. Tố Như tiên sinh đã đọc truyện viết về nàng Tiểu Thanh dưới đời Vua Hiến Tông, Nhà Minh (1472). Tiểu Thanh là một người con gái có sắc đẹp lại giỏi văn thơ, nhưng lấy phải một người đã có vợ rất ghen tương. Bà này đối xử với Tiểu Thanh rất tàn tệ khiến nàng phải dọn ra ven Tây Hồ sống trong một túp lều tranh. Một ngày kia, người ta thấy túp lều bốc lửa, Tiểu Thanh bị chết cháy, và trong đồng tro còn một số văn thơ của nàng. Một văn nhân nghe chuyện, bắt lòng thương cảm mà viết thành truyện. Nguyễn Du tìm đọc được cốt truyện đó đem động lòng trắc ẩn mà cảm tác ra bài thơ nói trên được nhà thơ Vũ Tam Tập dịch như sau:

Độc Tiểu Thanh Ký (Cảm Tác)  
Hồ Tây cảnh đẹp hóa gò hoang  
Thôn thức bên song mảnh giấy tàn  
Sơn phán có thần chôn vẫn hận  
Văn chương không mệnh đốt còn vương

Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi  
Cái án phong lưu khách tự mang  
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa  
Người đời ai khóc Tố Như chăng?  
(Nguyễn Du, 1813, Hàng Châu, TQ)

Nguyễn Du làm bài này để khóc cho Tiểu Thanh thì là hẳn rồi. Nhưng duyên phận hẩm hiu của Tiểu Thanh thì giống với Xuân Hương. Như vậy, qua hình ảnh của TT, Nguyễn Du có thể làm bài này cũng là để khóc cho cả XH nữa chăng? Tôi nghĩ: là một người vốn nòi tình (như Chu Mạnh Trinh tự thú rất say mê Thúy Kiều), và vốn rất đậm tình với XH, Nguyễn Du không thể chỉ cảm thương riêng với Tiểu Thanh, hay với Thúy Kiều.

Mặt khác, cũng qua bài “Độc Tiểu Thanh Ký Cảm Tác” này lại nảy sanh thêm một điểm tranh cãi mới do nhà thơ Diệu Tàn nêu ra trong bài “Độc Hồ Xuân Hương: Nàng Là Ai” (đăng trong Xuân Thu Hè 2202, tr. 10. [thidanlacviet2000@hotmail.co](mailto:thidanlacviet2000@hotmail.co)). Theo Tiến Sĩ (Khoa Giáo Dục, Sorbone, Paris) Phạm Trọng Chánh (tiếp nối GS Hoàng Xuân Hãn để hoàn thành cuốn Hồ Xuân Hương Toàn Tập) thì hai chữ Tố Như trong bài thơ ĐTTKCT không là tên tự (tên chữ Nho) của Nguyễn Du mà chỉ là một từ ngữ thông thường chỉ một người đẹp và vì thế TS P.T.Chánh đã chỉ viết hai chữ tố như với chữ thường (không hoa). Ngược lại, nhà thơ Diệu Tàn thì khẳng định Tố Như là tên tự của Nguyễn Du. Ngoài ra, ông Diệu Tàn cũng nêu lên thắc mắc: hai câu trong ĐTTKCT: “Bất tri tam bách dư niên hậu - Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa - và Thiên hạ hà nhân khóc Tố Như - Người đời ai khóc tố như chăng?”, không rõ là hai câu “khẩu chiếm” (nói lúc sắp qua đời) của ND hay là ở trong ĐTTKCT? Theo lời kể của ông Tôn Thất Tùng vừa nêu trên thì có lẽ thắc mắc này đã được giải quyết. (Xin gõ vào [Google](http://www.google.com): Độc Tiểu Thanh Ký sẽ thấy tài liệu.)

Theo tôi, Tố Như đúng là tên tự của Nguyễn Du. Trong thời Nho Giáo, con trai sinh trong dòng danh gia, vọng tộc (xuất thân văn học) còn ở tuổi vị quan (19 trở xuống) thì chỉ có tên tục hay húy do cha mẹ đặt cho. Khi người con tới tuổi nhược quan, nghĩa là coi như quan (20 tuổi), thì gia đình làm lễ “Gia Quan” tức là lễ đội “Mão” cho cậu ta, coi như từ nay cậu là quan, quan trong nhà, và cậu ta được tự chọn một tên mới gọi là tên tự (chữ Nho) đặt sau tên húy để tỏ tâm chí của mình. Đó là do cái lệ chỉ làm quan mới có mũ vua ban, còn làm lính hay thường dân thì đội nón thôi. (Lính thú ngày xưa: Ngang lưng thì thắt bao vàng; đầu đội nón dứa vai mang súng dài).

Cũng kể từ đó, bạn hữu, gia nhân sẽ không lấy tên tục của cậu ta để gọi nữa mà dùng tên tự. Nhưng, riêng cậu ta lại chỉ dùng tên tục để xưng hô chứ không dùng tên tự. Ngoài ra cậu còn chọn một tên nữa gọi là tên hiệu (bút hiệu) nếu cậu có viết lách. Trong trường hợp này, nhà thơ Diệu Tàn cũng nêu một tỉ dụ về lễ lối giao tiếp ngày xưa là: trong Tam Quốc Chí, Lưu Huyền Đức khi xưng hô, chỉ nói “Bị này ...”, vì Bị là húy của ông ta. Nguyễn Du chọn tên hiệu là Thanh Hiên. Tên hiệu đặt trước họ; tên tự đặt sau họ: Thanh Hiên Nguyễn Tố Như.

Trở lại với HXH, Nguyễn Tố Như đã có tình thơ văn rất thân mật với nàng. Nhưng rồi mọi sự ở đời đều phải trôi qua, song chắc chắn rằng dù thời gian có trôi đi, những kỷ niệm của Ngày Xanh sẽ chẳng bao giờ xóa nhòa trong tâm trí của đôi kẻ yêu nhau. Người tình thơ thứ nhì của XH là Mai Sơn Phủ trong khoảng 1799 đến 1801.

Sau khi mối tình thơ với ND đã tạm lắng xuống, XH giao duyên thi phú đậm đà với Mai Sơn Phủ, lúc đó còn là một thư sinh chưa có danh phận gì, nhưng nổi tiếng thi văn. Trong Lưu Hương Ký, XH đã lưu lại nhiều bài nhất trao cho chàng họ Mai này. Nhưng, duyên nợ của Hồ - Mai chưa có nên vào khoảng năm 1801, chàng từ biệt XH về thăm quê ở Hoan Châu rồi từ đó tin nhắn vắng tanh, khiến XH lòng buồn khôn xiết. Đây là bài XH họa bài thơ của Mai Sơn Phủ trong Lưu Hương Ký nhắc lại một chút kỷ niệm đã cùng ngắm hoa và mận nồng bên nhau:

Họa Sơn Phủ Chi Tác

Này đoạn chung tình biết mấy nhau  
Tiến đưa ba bước cũng nên câu  
Trên tay khép mở tanh chiều nhận  
Trước mặt đi về gấp bóng câu  
Nước mắt trên hoa là lối cũ  
Mùi hương trong nệm tỏa đêm thâu  
Vắng nhau mới biết tình nhau lắm  
Này đoạn chung tình biết mấy nhau

\*

Và đây là một đoạn trích trong bài “Nói Rõ Ý Trình Bạn Mai Sơn Phủ:

Chàng có lòng  
Ta cũng có lòng  
Trong hồn mộng quyến luyến nhau dưới bóng liễu  
Thơ ta cùng ngâm  
Trăng ta cùng thưởng  
Từ lúc buồn chia tay chàng  
Ai là người chỉ ấm nửa thân?  
Chớ gầy đàn ly biệt mà oán bạn tri âm  
Hãy cất chiếc đàn đi  
Và hiểu thăm nhau trong lúc cao sơn lưu thủy  
Đừng buồn hận mà than cho nỗi xưa nay

Mối tình thứ ba của nàng là mối giao lưu văn bút rất đậm đà với Tôn Phong từ năm 1807. Đây là giai đoạn Vua Gia Long đã ổn định chủ quyền trên toàn quốc nên có nhiều xuất hiện thêm nhiều nhân vật danh phận, chức tước như Tôn Phong, Trần Quang Tĩnh, Trần Ngọc Quán, và Trần Phúc Hiển lui tới Cổ Nguyệt Đường của XH làm cho Tao Đàn mỗi ngày một thêm nhộn nhịp.

Trường hợp nào Tôn Phong gặp XH? Xin hãy đọc đoạn văn trích trong “Bài Tựa Tập Thơ Lưu Hương Ký” của Tôn Phong:

Mùa Xuân năm Đinh Mão [1807] tôi đến Thành Thăng Long [thi Hương bị rớt]. Nhân cùng bạn là Cư Đình nói chuyện về các tài tử xưa nay, bạn ấy nói cho tôi biết cùng tình với tôi có người phụ nữ là Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương, học rộng mà thuần thực, dùng chữ ít mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp đẽ, thơ đúng phép mà văn hoa, thực là một bậc tài nữ.

Tôi liền tìm tới hỏi thăm. Khi hỏi đến tên họ mới biết cô ta là em một ông lớn họ Hồ, đậu Hoàng Giáp, người làng Hoàn Hậu, Huyện Huỳnh Lưu. Chúng tôi mới tình cờ gặp nhau lần đầu, mà đã thành ra đôi bạn thân thiết. Trong những khi uống rượu ngâm thơ, kể xướng người họa, tứ thơ dồi dào, nhưng vẫn tỏ ra vui mà không buông tuồng, buồn mà không đau thương, khốn mà không lo phiền, cùng mà không bức bách.

Từ đó, có những lúc tôi phải bốn ba vào Nam ra Bắc, không thể cùng nhau sớm hôm xướng họa. Còn Xuân Hương thì cũng vì mẹ già, nhà túng mà ăn ở không yên ổn.

Sang mùa Xuân Giáp Tuất [1814, lại rớt thi Hương] tôi tìm tới chỗ ở cũ của cô, hai bên vừa mừng, vừa tủi. Xuân Hương liền cầm tập Lưu Hương Ký đưa cho tôi xem mà bảo tôi rằng: “Đây là tất cả thơ văn trong đời tôi từ trước tới nay, nhờ anh làm cho bài tựa.”

Tôi mở tập ấy ra xem thì thấy những bài thơ năm chữ, bảy chữ, những điệu ca, phú và từ chép đầy một quyển. Thoạt đầu tôi hết sức kinh ngạc lạ lùng, rồi dần dần càng đọc càng thấy lòng thư thái mà trở nên vui thích khoái trá...

Sau đó, XH còn giảng mắc tình thơ thân mật với Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Hạ Trần Quang Tĩnh (1808) và Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán (1815). Cả hai mối tình có lẽ đã đến sau mối tình của quan Tham Hiệp Trần Phúc Hiển cưới nàng về làm thiếp vào năm 1816 và đưa XH về ngụ ở vùng Vịnh Hạ Long.

Đây là một trong năm bài thơ vịnh cảnh Hạ Long ghi trong Lưu Hương Ký, lời thơ rất trong sáng và trang nhã.

#### Qua Vùng Hoa Phong

Lá buồm thủng thỉnh vượt Hoa Phong  
Đá đụng bờ sơn mọc giữa dòng  
Dáng nước lượn theo chân núi chuyển  
Mình lên lên để lối duênh thông  
Cả rông ẩn nắp hơi thu nhạt  
Âu lộ cùng bay bóng xế hồng  
Bấm sáu phòng mây cùng động ngọc  
Đâu nào là chốn Thủy Tinh Cung?  
(GS Hoàng Xuân Hãn dịch)

Sau khi Trần Phúc Hiển bị xử tử hình thì XH quá sầu đau bỏ lên Chùa Hoa Yên ít lâu cho khuây khỏa rồi lại trở về Cổ Nguyệt Đường để ôn lại những chuỗi ngày đầy kỷ niệm vui buồn lẫn lộn. Hồi ức cuộc đời mình nhiều buồn tủi thương đau hơn là hạnh phúc đã khiến cho XH sớm từ già cõi đời vào lúc mới 51 tuổi.

Năm 1842, Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, theo anh là Vua Thiệu Trị ra Thăng Long tiếp sứ Tàu, có làm 14 bài thơ tứ tuyệt liên hoàn lúc viếng cảnh Hồ Tây trong đó có đoạn viết về mộ của HXH như sau:

Đầy hồ rục rỡ hoa sen  
Sai người xuống hái để lên cúng dường  
Chớ trèo qua mộ Xuân Hương  
Suối vàng còn giận tở vương lỗ làng  
Sơn tàn, phấn rửa, mồ hoang  
Xuân Hương đã khuất bên hàng cỏ xanh  
U hồn say tí làm tỉnh  
Gió Xuân mấy độ vô tình không hay  
(GS Hoàng Xuân Hãn dịch)

\*

HXH sinh ra và lớn lên bên đầm sen ở ven Hồ Tây và thường ra đó hái sen. Khi qua đời, mộ bà được chôn cất cũng bên cạnh đầm sen. Cuộc đời của bà như đã gắn liền với hoa sen. Bà là Đóa Sen Chúa và có một cái gì rất gần gũi với bốn câu ca dao:

Trong đầm gì đẹp bằng sen?  
Là xanh, bông trắng lại chen nhụy vàng  
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

\*

#### Tóm Lược Một Bài Viết về Thơ Hồ Xuân Hương

Dưới đây là nguyên văn của Huy Phong và Yên Anh viết trong Sự Hiện Diện của Dâm Thơ trong Dòng Văn Học Việt Nam:

Thật ra, nếu cứ gọi hết thảy là văn chương tráo phúng đề cập ít nhiều đến cái “giống” hay chuyện ái ân đều là dâm thư thì có lẽ vấn đề đầu tiên là phải tách bạch phân chia các tác giả dùng nghệ thuật này để chọc cười đọc giả [HP và YA viết “đọc” chứ không phải : “đọc”] làm hai loại khác nhau.

- 1 . Thứ nhất là những người lấy cái “giống” và khai thác những chuyện chung quanh đó như thứ đề tài tích cực để gây cười trực tiếp, trắng trợn. ...
- 2 . Thứ hai là những nghệ sĩ mô tả những hình ảnh chung quanh cái “giống” như một thứ cảnh tượng nửa hư nửa thực, nửa rõ nét, nửa chập chờn, nửa sống sượng, nửa băng quơ; một loại màu sắc bóng bẩy; một câu chuyện vui nhẹ nhàng; một đề tài vừa bõn cợt, vừa xây dựng. ...

Đứng trên phương diện lịch sử văn học mà xét – và nếu có một cuộc trưng cầu ý kiến, hay thăm dò dư luận - để bầu tác giả, thuộc khuynh hướng thứ hai nói trên, có tài chọc cười thiên hạ bằng những bài thơ “tục” một cách thanh tao tài tình nhất, một cách phong nhã vui nhộn nhất, chắc chắn người được giải quán quân sẽ không ai khác hơn là Hồ Xuân Hương (? - ?), tác giả chọc cười một cách... tục nhứt trong văn học Việt Nam.  
Huy Phong và Yến Anh nêu lên hai thắc mắc:

- (1) “Hồ Xuân Hương là thi sĩ hay đó chỉ là tên gọi tập thể, một tên chung của người làm thơ, và trong đó có hơn một người đã làm nên thơ Hồ Xuân Hương nhứt định không phải là ... đàn bà?!”
  - (2) “Thơ Hồ Xuân Hương đã bắt đầu xuất hiện từ thời nào? Nó hiện diện như một thứ ca dao được nhơn gian truyền miệng kể cho nhau nghe từ đời này sang đời khác hay chỉ mới có từ thế kỷ thứ XVIII như một số nhà văn học sử hiện đại đã cử trưng?”
- Rồi Huy Phong và Yến Anh kết: “Nói chung, đề tài chánh của các bài thơ ký tên Hồ Xuân Hương là số phận của những người đàn bà sống đời ngoại biên, bị xã hội nông nghiệp cổ truyền bỏ quên, nếu không nói là ruồng rẫy, nên đã không thiếu người để dãi cho rằng Hồ Xuân Hương là một phụ nữ đa tài, đa tình, và đa ... dâm!”

\*\*\*

## Phụ đính II:

### Một thoáng Xuân Hương I Nguyễn Huy Thiệp

chành ra ba góc da còn thiếu...  
(Hồ Xuân Hương)





## Truyện thứ nhất

Tổng Cóc nhìn ra ngoài cửa. Ông ngắm cái sân lát gạch Bát Tràng lâu ngày đã rỗ rạn. Do cống thoát nước đã mấy năm nay tắc nên mưa là nước tràn cả vào sân. Để thế, không những sân mà cả ngôi từ đường cũng hư nát. Thông cống thì sức nhà này không làm riêng được, cái cống đục chạm đến bao nhiêu nhà.

Tổng Cóc nghĩ ngợi, ông vớ lấy be rượu sành, mở nút lá chuối rót ra chén. Đây là thứ rượu Xuân Hương mang ở quê ngoại Kinh Bắc về nhà.

Tổng Cóc dăm dăm nhìn vào chén. Hơi rượu thơm sực làm ông hắt hơi rịn cả nước mắt. Ông bực mình lấy ống tay áo lau mắt rồi uống đại một hơi. Ông chẳng bao giờ có được phong độ lịch lãm như người. Trời sinh ra ông thô vụng xấu xí thì đành chịu. Ông có cái lối cái hiệp của ông, để gì ai có?

Tổng Cóc không chịu được cái vẻ sạch sẽ góm ghiếc của người đời. Nó chán chết. Ông thích những gì ào ạt của cuộc sống thực trần tục. Ông không được học hành nhiều, việc nhà thì bận rộn. Ông sợ cái nghèo cái đói. Nhìn ra ông thấy một lũ vô học và vô lương tâm vẫn đang nhờn nhờ ăn sung mặc sướng. Như thế ông hoàng bà chúa. Ông điên người. Ông cũng lao động quần quật, ông cũng đã đổ mồ hôi nước mắt. Ông phải có quyền sung sướng theo cách sắp xếp của ông. Tổng Cóc rót chén rượu nữa. Ông biết thiên hạ coi ông chẳng ra gì. Thiên hạ coi ông là thô lậu. Ông chẳng cần.

Ông khinh những kẻ không dám sống thực, không dám lặn sâu xuống đáy cuộc đời. Ông cũng khinh cả những kẻ lặn mình xuống đáy rồi ngập ở đáy không sao lên được.

Ông hiểu sống cho giản dị là khó vô cùng. Thế nào là phải? Sống phải cho mình là đã sống phải cho thiên hạ. Làm điều gì đấy không phải với mình thì sao ép người khác phải? Thiên hạ uốn theo chiều gió, gió thổi bốn phương tám hướng thì biết sao được? Bản tính người Việt là hay trông ngóng, nhiều khi quên gốc ở ngay chính tim óc mình. ăn cũng trông nòi trông hướng, nhưng cứ trông mãi mà quên mất ăn thì chết. Cha chung không ai khóc là thế, vì cứ ý nhau, ngóng nhau. Nhà này ông không tự lo mà cứ trông vào họ hàng thì cũng sạt nghiệp lâu rồi, đâu mà xây cất được cả dinh cơ như vậy? Thiên hạ làng nước ghét ông, nó thấy ông cứ trần lực, ông cóc cần gì ai cả, ông cứ lăm lăm lạnh lùng xuyên lên như dao xuyên thịt. Nó nói xấu ông. Nếu chúng cứ sống như ông, liệu mặt chúng có nhàu đi như đúm váy rách?

Tổng Cóc thở dài. Đã từ lâu khi ông ra đường ông đều xâu theo vài ba chuỗi tiền Cảnh Hưng vào cặp quần, ông buộc nó cả vào bụng. Ông coi tiền như rác bùn nhưng cũng coi nó như vua chúa. Đồng tiền giúp ông hiểu rõ đời hơn theo cung cách riêng của nó. Hôm ở hội Gióng có bà quận chúa họ Trần nổi tiếng kiêu kỳ, võng lọng nghênh ngang, coi người như rơm rác. Bà đánh bạc thua, sĩ diện muốn gỡ bạc nhưng chẳng có tiền, cũng chẳng dám vay các bậc công hầu.

Ông thấy điều đó và giữa đám hội ông thản nhiên đi đến ghé vào tai bà nói nhỏ:

- Tàu lạy quận chúa, quận chúa sẽ đủ tiền đánh cho hết hội.

Quận chúa đưa đôi mắt sắc như dao nhìn kỹ Tổng Cóc, rồi kéo ông ra một góc:

- Nếu ông có cho ta vay thì ta cũng chẳng có tiền để trả! Chồng ta là quan thượng thư nhưng chẳng bao giờ cho ta tiền cả.

- Tàu lạy quận chúa, quận chúa có thứ bán được tôi mua.

Quận chúa đỏ mặt, bà im một lát rồi ồm ờ:

- Thế ông mua gì mà trả thế nào?

- Tàu lạy quận chúa, nụ cười quận chúa đáng trăm quan tiền. Tôi xin trả gấp hai lần số đó.

Đêm đó, Tổng Cóc lần đầu được ngủ với một bà lớn quyền thế nghiêng trời. Cành vàng lá ngọc cũng chẳng khác gì con đở. Hôm sau hai người gặp nhau. Quận chúa nửa đùa nửa thật:

- Ta ngủ với ông mà cứ kinh hoàng tưởng như ông hiếp dâm ta!

Tổng Cóc đáp lại quận chúa:

- Tàu lạy quận chúa, việc mua bán đã xong rồi!

Tổng Cóc uống chén rượu nữa. Ông lấy cái tráp sơn đen đựng tiền dùng những ngón tay thô ráp lần từng đồng. Ông chán ghê gớm. Trong cuộc đời mình ông vất vả nhiều, ông đã buôn một bán mười, đã thu tô cấy rẽ, đã toan tính từng nước cờ đời nhưng trong mình vẫn cứ tê tái cảm giác thua cuộc thế nào. Ông thấy trong đời toàn những thằng ác, thằng hèn nhưng lại ranh khôn như cáo. Ông sợ nhất bọn nhỏ giả, sợ đám chiêu ám và bọn tập tọng văn chương. ở trong cuộc đời, chúng lấy lý đạo dồn ông vào bẫy thiện tâm tín nghĩa, làm cho ông lơi cái sắc cái lạnh vốn có ở ông. Đúng lúc mà ông do dự thì chúng phỗng sạch, đôi khi đã dăm ba lần ông suýt trở nên tay trắng. Sợ thật, ông thấy gai người. Ông mà thất bại, ông mà ăn đất thì chết ráo hết cả nhà. Ông chịu Xuân Hương ở chỗ bà luôn thất bại ở trong cuộc đời mà vẫn thẳng bằng, mà vẫn không có cảm giác thua cuộc. Ông ngờ ngợ bà to lớn hơn ông, bà mạnh mẽ hơn, sống có dũng hơn. Trong cõi nhân gian, tất cả mọi sự nghiêm chỉnh cũng là khôi hài, nên có cơ hội cần phải cười ngay, thế nhưng không hiểu tại sao ông không cười được. Tổng Cóc đứng dậy ra trước bàn thờ. Ông hài lòng thấy bàn thờ sạch sẽ. Nải chuối trứng cuốc bày trên đĩa sơn, một đĩa hoa trà cạnh bên tinh khiết. Hôm nay mùng Ba tháng Ba. Chắc là Xuân Hương đã dọn bàn thờ từ sáng sớm. Ông nhìn theo hút dải khói mỏng mảnh. Ngoài ngõ bỗng có tiếng mõ vọng vào:

Chiềng làng, chiềng chạ...

Trên ngược dưới xuôi

Làng ta có người

Không chông mà chữa... ừa...

Tiếng rao rất khó chịu. Chắc cánh hương lý bày trò gọt đầu bôi vôi dĩ Huệ dưới Đoài. Tổng Cóc cau trán nghĩ ngợi rồi chạy ra ngõ:

- ời mõ! - ông đưa tay vẫy. - Mà đừng rao nữa mà chạy về bảo Lý Cờ lại đây tao bảo.

Ông đóng sập cửa. Ông biết làng này đổ có thằng nào dám dây vào ông. Lý Cờ là hạng đàn em. Tất cả lề luật làng này đều trong tay nó. Nó cho mõ rao trước cửa nhà ông là nó nhằm gì không biết. Dĩ Huệ ngủ hết với cánh đàn anh trong tổng.

Ông thấy thương nó. Dĩ Huệ phải nuôi hai bố mẹ già, mảnh đất cắm dùi không có, nó không bán trôn thì nó lấy gì mà sống.

Ông ra trảng kỷ ngồi đợi Lý Cờ. Ông rót nước trong cái ấm đất nung ủ rơm ra chén chiêu từng ngụm. Nước nụ vôi nóng, Xuân Hương đã bỏ vào đôi lát gừng nên có vị thơm là lạ. Rặng vôi nhà ông năm nay nhiều nụ, một nửa làng này rồi sẽ phải mua nụ với nhà ông. Đây là món tiền dành Tết.

Lý Cờ mặc áo the đen lật đật đi vào, trên tay cầm chiếc roi song. Tổng Cóc cười thầm. Ông bỗng chợt nhớ trò chơi ú òa khi ông còn nhỏ, ông, nấp một chỗ nhìn rõ địch quân hoang mang rón rén lại gần.

- Vào đây! - ông giơ tay vẫy. Không để cho khách ngồi yên ông đã phủ đầu.

- Chú làm việc công mà ngu như chó! Chú cho gọt đầu bôi vôi dĩ Huệ. Ra trước hàng tổng, nó khai hết bọn chú ra thì rồi có đẹp mặt không?

Lý Cờ há miệng, bộ ria mép khẽ động đậy. Tổng Cóc rót nước mời khách, ông nheo mắt nhìn khuôn mặt thẳng đuồn của hắn, ngạc nhiên nhận ra ở vành tai trái có nốt ruồi đỏ. Cái nốt ruồi này tương lạ.

- Đây là của các cụ... - Lý Cờ đỡ lấy chén nước. - Không làm thì không giữ được lệ làng... Sợ thiên hạ cười...

Tổng Cóc cười khẩy:

- Chú ngu lắm! Các cụ cũng ngu như chú...

- Vậy ý quan bác thế nào? - Lý Cờ nén giận, mắt hắn lừ lừ nhìn theo bàn tay Tổng Cóc lần lần dưới áo - Quan bác thử nghĩ lại xem...

- Ta không bàn bạc với chú! - Tổng Cóc ném lên mặt bàn mấy chuối tiền đồng. - Chú cầm lấy

chuỗi tiền này về làm bữa rượu bàn với các cụ! - ông nhìn Lý Cờ, đôi mắt nảy lửa nhưng giọng nói ông dịu lại. - Tha cho nó, cho nó ít tiền rồi bảo nó lấy thằng mõ làm chồng.

Tổng Cóc đứng dậy. Lý Cờ điên ruột nhưng vẫn phải cầm lấy mấy chuỗi tiền đồng giật lui ra cửa.

Tổng Cóc tiến hẳn ra ngoài ngõ. Ông bỗng bắt sang chuyện khác. Ông hỏi Lý Cờ:

- Thóc giống vụ này nhà chú khá không?

Lý Cờ bắt chuyện. Đi đến hết ngõ thì cả hai bên đều đã vui vẻ. Hai người biệt nhau thân tình.

Tổng Cóc lững thững đi vào. Ông nhìn rặng với hai bên bờ ao thờ dài: vụ với năm nay thế là chỉ đủ số tiền đưa cho Lý Cờ lúc nãy. Ông ngắt một bông hoa nhài đưa lên mũi ngửi rồi nhắm mắt.

Ông bước lên bậc thềm nhà. Trên sập gụ, một mâm bánh trôi vừa làm xong bốc nóng. Ông ngoác nhìn xung quanh ngôi từ đường tĩnh lặng để tìm bóng của Xuân Hương...

## Một thoáng Xuân Hương II Nguyễn Huy Thiệp



tranh Bùi Suối Hoa

### Truyện thứ hai

Ấm Huy đứng lẫn trong đám chiêu ẩm đang tùm ngoài sân công đường. Chàng chán ngấy chuyện khoe khoang nhà cửa, ngựa xe, áo quần của họ. Chốc chốc, vài ba nhóm người trịnh trọng mang câu đối phúng tử cổng đi vào, đàn ông mặc áo the đen, đàn bà mặc áo mớ ba mớ bảy. Chàng nhận ra được rất ít người quen.

Ấm Huy sửa lại vành khăn tang trắng trên đầu rồi đi lững thững. Mấy bác lính lệ đang vội vã bắc thêm rạp. Chiếu hoa trải cả trên hè, trên sân mà vẫn không đủ chỗ ngồi. Mấy bà già đang têm trầu, đồng trầu ngồn ngộn đầy mấy tráp sơn. Đằng sau công đường âm ỉ tiếng lợn kêu. Ở giữa công đường, hương khói mờ mịt. Câu đối phúng bằng vải, bằng giấy treo đầy trên cột, trên vách. Ấm Huy thấy rất nhiều người đội khăn tang trắng, phải đến gần một chục người vận áo xô gai. Chàng hơi ngạc nhiên, chàng vẫn đi lại thường xuyên với anh họ mình sao không gặp những người này. Chàng biết ông phủ Vĩnh Tường giao du có chọn lọc lắm. Họ hàng đừng hòng nhờ vả gì ông, không làm quan cầu lợi. Ấm Huy rất nể anh mình nhưng trong thâm tâm chàng thấy ông cầu kỳ. Chàng trọng Xuân Hương vì bà sáng suốt hơn chồng. Bà gieo ở lòng chàng một nỗi kính phục và sợ hãi.

Ấm Huy nhìn quanh. Chàng không thích bầu không khí đầy đủ chĩnh chu của đám tang này.

Chàng đã dự nhiều đám tang người khác, chính việc tang gia bối rối làm chàng thấy yên tâm hơn về người đã chết. Người ta lúng túng, công việc cứ lung tung, thiếu cái này, thừa cái nọ, ai cũng thấy mình làm được, giúp được dẫu rằng có khi chẳng giúp làm gì cho tang chủ cả. Người ta xích lại nhau hơn. Tất cả hướng vào một đích. Họ có thể nói về chuyện mùa màng, công

danh, thua lỗ, được bạc, đủ tất cả chuyện thế thái nhân tình nhưng đều hướng về cái chết vô nghĩa hay có nghĩa đang chờ đón họ. Sự hướng nhận ấy vô thức, người chết nằm trong quan tài chỉ là cái có gợi ý hướng ấy trong mọi người thôi. ở đây không có điều ấy. ám Huy ngạc nhiên hiểu rằng dù chàng có mặt hay không có mặt ở đám tang này đều không quan trọng. Thế mà ngoài Xuân Hương ra thì chàng là thân thiết nhất với người đã khuất. Không ai cần chàng. Có lẽ không cần cả Xuân Hương nữa. Tất cả đã sắp xếp rồi. Ai có công việc người nấy. Thời giờ đã được tính toán. Ngay cả tiếng kèn, tiếng phách của phường bát âm cũng được tính toán, khúc khoan khúc nhặt cho từng người viếng ông phủ Vĩnh Tường. ám Huy đã biết là Xuân Hương đã giao cho tri huyện Thặng đứng ra làm tang chủ lo toan công việc. Hình thức đám ma chỉ là một chuyện. Có chuyện gì đó liên quan đến cả ông phủ Vĩnh Tường, đến cả Xuân Hương và những người đứng xung quanh đây nữa.

ám Huy vòng ra sau dinh công đường. Cách đây mấy tháng, ông phủ Vĩnh Tường đã vui Trung Thu với những người quen ở đây. Cột nhà Thủy Tạ vẫn còn vết xém do mấy đứa con của tri huyện Thặng đốt nến. Trong đám quan lại, Thặng thuộc lớp người kỳ cựu có nhiều thâm niên. Thặng không bon chen nhưng lão khét tiếng đục khoét dân lành, cũng lạ, trong hạt của lão không hề xảy ra loạn lạc, kiện cáo như bao huyện khác. Lão coi làm quan chỉ là một nghề. Lão bảo ông phủ Vĩnh Tường:

- Đệ phục quan bác không coi quan trường là nơi kiếm sống. Đệ không làm được - Lão lắc cái đầu múp míp và hỏn hển cười - Đệ chỉ ăn no ngủ kỹ, làm tròn bổn phận đối với triều đình. Lính đệ bắt đủ. Thuế đệ nộp đủ. Thằng nào chống lại đệ cùm.

- Nên phải lựa lời thuyết phục dân lành, - ông phủ Vĩnh Tường bảo Thặng. - Dân ta tốt lắm. Bậc cha mẹ dân phải nêu được nghĩa công bằng.

- Đệ có bảo dân xấu đâu... - Thặng cười ha hả. - Đệ chỉ không thích được nghĩa công bằng mâm cơm của đệ với chúng. Quan bác đã nhìn mâm cơm chúng chưa, đệ mà ăn thế đệ chết lâu rồi...

Ông Phủ Vĩnh Tường im lặng. Ông nể mặt Thặng lớn tuổi hơn. Thặng đã giúp ông từ thuở hàn vi, thuở ấy ông chỉ có những hoài bão dự định trong đầu và dăm cuốn sách thánh hiền.

- Dân ta cực khổ. Tôi trông vào đâu cũng thấy xót xa. Phải lấy lý lẽ văn chương và sự công bằng pháp luật hướng đạo dân mình. - ông phủ Vĩnh Tường nói. - Tôi muốn sĩ phu và bậc cha mẹ con dân phải hiểu...

- Đệ chịu khí chí của quan bác vậy, - Thặng cười, - nhưng dân nó ghê gớm lắm, cứ bảo một đảng nó làm một nẻo. Trong hạt của đệ có lão Lý Hồng. Thằng ấy đệ phải phục nó. Đệ bảo gì nó cũng gật nhưng mà về làng nó làm khác cả, nó dùng mình làm ngoáo ộp để nó bóp hầu con đồ. Dân kêu nó báo hỏi huyện. Đệ biết đệ phải ngậm tăm, nhiều khi đệ phải học nó xử sự với đời...

- Ông phải cách cổ nó đi mà thay thằng khác - ông phủ Vĩnh Tường bực bội - Luật của triều đình thế còn thế thống cái gì?

- Đệ nghĩ chán rồi! Thay nó thì thằng khác lên cũng thế. Thực ra dân nó chỉ lo làm ăn nó có cần gì chúng ta bày vẽ... Đệ thấy trong hạt của đệ nơi nào mình cứ mặc kệ thì đâu vào đấy, nơi nào mình cứ xằng xái chỉ bảo nọ kia thì loạn...

- Tôi nghe đồn ông hách lắm phải không? - ám Huy xen vào, chàng biết Thặng cũng là tay sâu một nhưng lão cũng có cái thực và sự hào hiệp mà chàng vị nể.

- Hách chứ! - Thặng giơ ngón tay như quả chuối mần ra trước ám Huy. - Không hách thì để cho bọn văn chương các chú làm loạn cả à? Văn chương là miếng đất nghịch!

- Dân có nghịch không?

- Không nghịch. - Thặng nói thản nhiên như lão đã từng nghiền ngẫm điều này lâu lắm. - Dân quen nô lệ, luật cứ ngặt nghèo nghiêm khắc là xong. Không có bàn bạc gì cả...

Ông phủ Vĩnh Tường lo lắng nhìn Thặng:

- Cách làm của ông không ổn... Các bậc thánh hiền đều lấy nhân trị làm gốc. Phải lo cho đến từng người...

- Đây là các thánh. - Thặng không chịu thua. - Đệ nghĩ nhân cũng ba bảy đường nhân. Đệ

không lo đến thân phận từng người trong hạt của đệ. Không lo được! Người nào có thân thì lo. Đệ chỉ lo việc triều đình, cũng là lo thân của đệ.

- Không ai lo đến thân phận từng người cả à? - Ắm Huy hỏi, chàng như ngồi trên đống lửa.

- Đây là việc của các chú, của chị Xuân Hương. Văn chương mày lo được đấy! - Thặng nháy mắt cười.

Ắm Huy chỉ muốn hất cả chén nước cầm tay vào ngay mặt lão.

- Lũ người bé nhỏ chúng ta không thể coi chốn quan trường là nơi để ta tiến hành cách tân này nọ. - Thặng nói. - Quan trường khóa ta vào trong guồng máy con Tào xoay vần, ta không thoát nổi miệng túi cà khôn đã định....

- Chí của tôi khác... - ông phủ Vĩnh Tường nhiệm nghị. - Quan trường là nơi tôi muốn sử dụng...

- Đệ hiểu quan bác muốn nói gì rồi. - Thặng cười. - Quan trường nó sử dụng bác thì có... Đệ không muốn nói nữa đâu! Đệ biết quan bác và chú Huy đây khinh đệ, chữ nghĩa đệ nông cạn đệ nói thế thôi. - Thặng quay lại chỗ Xuân Hương đang ngồi với lũ trẻ con nhà lão. Nàng đang kể chuyện gì đó và lũ trẻ con cười như nắc nẻ. Lão đứng nhìn mấy đứa con thích thú.

Ánh trắng vàng vạc lộng lẫy lạ lùng. Lão bỗng quay lại chỉ ra ngoài trời vẫy gọi Ắm Huy:

- Chú hãy lại đây... Tất cả những trò bàn luận của chúng ta đều vô nghĩa hết. Thiên nhiên không hề dối trá!

Ắm Huy đi lại cúi đầu chào chị dâu mình.

- Chị vốn công bằng. - Thặng bảo Xuân Hương. - Chú Ắm Huy đây lúc này còn muốn gây sự với đệ. Chị bảo đệ đúng hay đệ sai?

- Đừng hỏi chị ấy, - Ắm Huy xen ngang câu hỏi, chàng rất trọng chị dâu và không muốn Thặng đẩy bà vào cuộc. - ông đứng một cách khốn kiếp, thế thôi. Tôi cũng công bằng lắm đấy.

- Thế ông anh họ của chú sai à?

Ắm Huy đỏ mặt, máu chàng rần rật trong người. Chàng nuốt nước bọt. Chú tinh tế lắm. - Thặng cười ha hả. - Tôi xin báo trước cho chú: tất cả mọi sự thanh cao hoang tưởng vẫn chết trong cõi dung tục như thường!

- Điều ấy vẫn thế, - Xuân Hương tham gia câu chuyện. - Tôi không ngờ ông tri huyện tiên tri cho cả cuộc thế thời nay điều ấy.

Ắm Huy bỗng nhăn mặt lại, chàng thấy nhói ở nơi tim, chàng vẫn văng vẳng lời của Xuân Hương hôm ấy. Đám tang hôm nay tựa như minh chứng cho sự phủ phàng của vòng luân thế. Ông phủ Vĩnh Tường ôm bao dự định tốt lành mà không làm được. Chàng bỗng thấy thương ông quá. Chàng hiểu ra rằng từ đây Xuân Hương sẽ lại bắt đầu chặng đường cay đắng, bao nhiêu là ngọn gió hàn sẽ thốc thổi vào lòng bà. Anh ấy cũng là bé nhỏ với bà nhưng dù bé nhỏ cũng lấp được nổi cô đơn ít nhiều nào đấy.

Ắm Huy sửa áo rồi lại đi về trước dinh công đường. Trước sân công đường chật ních người. Chàng len vào chỗ mấy người đào huyệt đang kể lể gì với tri huyện Thặng:

- Chúng con đào đến ba lần mới được. Lần đầu đào đến nửa chừng thì “cộc” : dụng phải tiêu của người khác. Chúng con đào sang chỗ khác thì lại “thụt” : mai tuồng cứ như đào vào chỗ trống. Hóa ra tổ mối... Chúng con phải sang đến chỗ thứ ba mới được, quan bảo thế có kỳ lạ hay không?

- Thiên di đấy! Thiên di! - Tri huyện Thặng gật đầu. - Không sao cả đâu, thiên di không độc. Bảo với mọi người là không sao cả. Linh hồn ông phủ Vĩnh Tường vẫn còn muốn sống...

Lão chen ra ngoài, người lão chạm vào Ắm Huy.

- Này chú, chú đi đâu đấy? Chuẩn bị đưa ma ra đồng rồi đấy! Đầu giờ Mùi rồi! - Lão kéo Ắm Huy ra một góc vắng.

- Chú coi chừng chị Xuân Hương! - Lão lấy tay áo lau mồ hôi trán. Lão thở phì phì, ghé cả cái miệng hôi hám vào mặt Ắm Huy. - Mấy quan trên xuống mà bọn khóc thuê và bọn mặc áo xô gai đòi giả thêm tiền.

Ắm Huy tái mặt, tay chàng bấu chặt vào tay của lão:

- Sao khốn nạn thế. Họ hàng bà con dâu cả?

Tri huyện Thặng cẩu, lão rít nhỏ nhỏ vào tai của chàng:

- Chú ngu như chó! Ông ấy có cho bà con họ hàng nhờ vả gì đâu... Ông ấy làm quan nên coi mình là người thiên hạ... Trách nhiệm đám tang hôm nay là của triều đình... - Thặng giằng tay ra giận dữ. - Chú cứ mặc tôi! Chị Xuân Hương giao thì tôi lo hết. Tôi có cách xử của tôi. Đáng ra hay chữ như chú thì phải đứng ghi xem chúng nó phúng viếng thế nào, thằng nào phúng sót thì chú bảo tôi. Đàng này chú cứ như người ngoài cuộc... Tôi không nề nhẽ chị Xuân Hương quý chú thì tôi cho lính nó cùm chú lại...

Ấm Huy bỗng trào nước mắt. Chàng khóc hu hu. Mọi người xung quanh kinh ngạc nhìn chàng. Tiếng thanh la bỗng vang lên báo hiệu chuẩn bị đưa ma ra đồng, những hàng cờ phướn bắt đầu xếp thành từng hàng ngoài cổng. Ai đó gạt ấm Huy ra nhưng chàng vội vã chen lên phía chiếc quan tài sơn son. Chàng cố chạm vào nâng quan tài lên cùng với bao nhiêu bàn tay khác nữa. Chàng hiểu đây là cơ hội duy nhất trong đời chàng không bỏ được. Đây là trách nhiệm bổn phận của chàng. Chàng hiểu cả tri huyện Thặng, cả chàng, cả ngay ông phủ Vĩnh Tường cũng sẽ chẳng là gì cả, tất cả chỉ là nhân chứng cho sự tồn tại của một CON NGƯỜI: nàng Hồ Xuân Hương mặc áo xô gai đang nức nở khóc, đang nức nở khóc cho nỗi cô đơn mệnh mỏng của cõi đời...

## Một thoáng Xuân Hương III Nguyễn Huy Thiệp



tranh Bùi Suối Hoa

### Truyện thứ ba

Khi đạo diễn giao cho anh sắm vai Chiêu Hồ trong bộ phim viết về Hồ Xuân Hương, quả thật anh bối rối vô cùng. Anh hiểu khó khăn của nghệ thuật. Nghệ thuật đòi hỏi dốc lòng, sự trung thực và nhiều thứ khác. Anh được trang bị đến đâu, thực ra anh hững hờ.

Việc giao cho anh sắm vai Chiêu Hồ đơn giản như một trò đùa, một trò đùa ác. Anh hỏi đạo diễn:

- Anh giao cho tôi đóng vai Chiêu Hồ vì lý do gì?

- Cậu là thi sĩ. - Đạo diễn trả lời. - Một thi sĩ trẻ có tài. Cậu hiểu vai trò của cậu.

- Thôi đi... - Anh nhăn nhó nói. - Thơ tôi nào có ra gì?

- Ban đầu đa số đều thế.

- Vì lý do khác phải không? - Anh cố gắng hỏi để cho ra nhẽ.

- ừ - Đạo diễn trả lời. - Cậu có dáng dấp một thằng trai điểm. Phụ nữ mê cậu. Trong phim có cảnh Chiêu Hồ bóp vú các cô thôn nữ, cậu vào vai ấy tuyệt vời.

Anh tái mặt, cổ họng tắc nghẹn. Đạo diễn bỏ đi lát sau quay lại cầm tập bản thảo và tờ công lệnh.

- Các cụ ngày xưa cũng du côn lắm... Ra chỗ tài vụ lĩnh tiền rồi về nông thôn mà nghĩ. Cậu

được ba tháng chuẩn bị để quay chính thức.

Ba tháng trôi qua... Ngày mai anh sẽ trở về thành phố. Anh thấy dứt khoát mình không sắm nổi vai này. Anh đã thuộc lòng kịch bản, một kịch bản khôn nạn, vẫn không ra vẫn, chữ không ra chữ. Anh thấy xót xa. Hình ảnh trong phim Xuân Hương nhợt nhạt, bị hiểu sai lệch nhỏ nhẻng. Người ta đắp điểm cho nhiều nhân vật những thứ tư tưởng cao siêu đáng ngờ. Đối thoại đầy rẫy ngôn ngữ hoa mỹ. Diễn viên rất đẹp. Cảnh quay rất khéo. Anh biết chắc chắn sẽ có nhiều đoạn thành công. Cảnh hội làng... Cảnh đám ma... Có khi cả cảnh Xuân Hương “ sáng tác” ... Một thứ hiện thực huyền ảo mừng lung.

Anh đi men theo bờ đê, nhìn xuống dòng sông. Bất chợt, anh thấy một con thuyền nhỏ đậu ở ven bờ. Một thiếu phụ hì hục vác những bao tải nặng từ bến xuống thuyền. Sắc chiều mùa đông xám nhạt.

- Tôi muốn giúp chị được không? - Anh bước lại gần con thuyền. Thiếu phụ ngẩng lên nhìn anh. Anh bỗng sửng sờ vì vẻ đẹp lôi cuốn của chị. Vẻ đẹp tự nhiên, không ra ngây thơ, không ra từng trải.

Anh xúc bao tải lên vai và nhận ra bao chứa đầy ngô hạt. Tất cả chừng độ chục bao. Cả hai không nói năng gì. Anh cẩn thận bước trên tấm ván chống chênh và cố gắng giữ để không thờ dốc. Đến bao cuối cùng, anh vấp vào mạn thuyền gỗ làm cho bao ngô tung tóe, tấm ván bắc cầu trượt xuống làm anh ngã ướt nửa người.

Thiếu phụ bật cười.

- Không hề gì. - Anh trèo vào thuyền cố nén cơn đau. - Chị về đâu đấy?

- Tôi về ướn bến Tầm Xuân.

- Cho tôi đi nhờ thuyền với nhé...

- Anh ngồi xuống đi. Cứ để ngô đấy cho tôi. Ngô mua cho lợn, có bản một chút cũng chẳng hề gì.

Thiếu phụ ngồi ở mũi thuyền, khéo léo điều khiển con thuyền trôi theo dòng nước.

Phía bên bờ đê, một đàn chim sẻ bay ào xuống sát mặt sông, qua ngay trên đầu của họ. Họ ngồi như thế một lúc khá lâu, chỉ nghe thấy tiếng mái chèo khè khè. Anh rút một điếu thuốc lá rồi châm lửa hút.

- Chị nghĩ gì thế? - Anh hỏi và thoáng nhìn vào đôi mắt xa xăm của thiếu phụ.

- Anh không phải là người ở đây phải không?

- Tại sao chị biết?

- Trông cách ăn mặc... cách anh vác ngô thì biết.

- Chắc buồn cười ghê lắm phải không?

- Không phải người quen lao động...

Thiếu phụ lặng im về như biết hồi vì lời nhận xét không đầu. Anh hơi mỉm cười. “ Đôi mắt thật đẹp” Anh nghĩ.

- Anh là thầy giáo phải không?

Cuối cùng sự tò mò đã thắng. - Anh lại nghĩ tiếp: Đôi môi thật đẹp... Cái cổ cũng đẹp...

- Đại để thế... ở đây thích thật. Sông nước sao mà tuyệt thế.

- Cũng bình thường thôi!

- Tại chị quen đấy. Tôi thì tôi thấy cảnh đẹp tuyệt vời. Chị mua ngô về cho gia đình à?

- Cho trại lợn. Tôi ở trại lợn.

- Công việc chắc buồn phải không?

- Sao lại buồn? Tôi chẳng thấy buồn gì cả.

“ ừ tại sao công việc lại buồn? Công việc chỉ cần kết quả. Vui buồn với nó thấy đều vô nghĩa” .

Chị có chồng chưa? - Anh đột ngột hỏi.

- Anh thử đoán xem.

- Có! - Anh lưỡng lự. - Không... Chắc là chưa có. Chị hăm tám tuổi phải không?

- Tết này tôi băm hai đấy. - Thiếu phụ nheo mắt và lắc mái tóc. Anh lặng người đi vì vẻ nữ tính giản dị ở cử chỉ ấy. Một sợi tóc mai vương trên đôi môi se khô.

- Tại sao anh nghĩ là tôi chưa chồng?

Nếu chị có chồng thì chồng chị không hiểu chị. - Anh cười nhợt nhạt và cảm thấy đầu gối nhói đau. - Chồng chị là người nông cạn. Anh ấy chỉ tính toán thôi... Có lần anh ấy sắm cho chị cái áo mặc rét thì là áo cũ... Thế là tan vỡ... Chị ra trại lợn và ở một mình trong một căn buồng tập thể có tám mét vuông...

Thiếu phụ cười gượng và tái mặt đi. Cái chỗ chân đau buốt lạ. Anh vén ống quần và hoảng hốt thấy đầu gối tím ngắt và rỉ rỉ máu.

- Anh sao thế?

- Đau...!

- Ôi trời! - Thiếu phụ gác chèo và lại chỗ anh. - Chết thật! Khéo què thì khôn.

Thiếu phụ lôi dưới gầm thuyền ra chai dầu hỏa.

- Anh đổ vào đấy rồi bóp cho nó tan ra.

Anh nghe theo, lúng túng làm đổ gần hết chai dầu.

- Không phải thế! - Thiếu phụ bực mình cầm lấy chai dầu đổ từng tí một lên đầu gối anh rồi xoa khe khẽ.

Anh nín thở. Anh nhìn chăm chú vào cái lợn tóc lổn xoăn nơi cổ thiếu phụ rồi thở hắt ra. Anh hơi chạm tay vào bên bờ cổ thiếu phụ nơi có sợi gân nổi lên giòn giãt. Anh cảm thấy được hơi ấm lan ra từ đấy và khe rùng mình.

- Có đỡ không? - Thiếu phụ hỏi.

- Đỡ lắm...

Một con ong nặng không biết từ đâu cứ thế bất động bay trước mặt anh. Không dẫn lòng được, anh đưa tay vuốt từ cái ngán cổ trắng ngần xuống lưng thiếu phụ, cảm thấy gờ chiếc áo lót dưới làn vải mỏng. Thiếu phụ oằn lưng nhìn thẳng vào anh. Đôi mắt lạnh lùng giận dữ. Anh đỏ mặt. Chị vùng đứng dậy ra chỗ đầu thuyền và gò mái chèo để cho con thuyền khỏi trôi ra giữa tim sông.

Họ ngồi yên lặng. Sóng vỗ ở bên mạn thuyền đều đều gây nên cảm giác xa vắng.

- Tôi xin lỗi... - Cuối cùng anh lúng túng nói, mắt nhìn vào bàn tay mình như thể nhận ra ở đấy một vật quái dị ở đâu gắn vào. - Tôi ngu xuẩn quá...

Anh nhìn ra phía bờ sông bên lở. ở đấy có một vạt đất vừa mới sụt xuống rào rào.

- Tôi xin lỗi chị. Tôi đã cư xử thật tồi.

Thiếu phụ hướng mắt nhìn phía bờ sông bên bồi. - Thôi đi... Đàn ông các anh ai mà chẳng thế! Anh giúp tôi mấy bao ngô rồi đòi trả ơn... Đàn ông các anh thế hết.

Anh thấy cổ mình dặng ngắt. Một nỗi tê tái lan truyền ở toàn cơ thể. ở phía chân trời có một cánh vạc đơn lẻ bay về. Họ lại lặng im. Lát sau anh ngượng ngập hỏi:

- Chị không giận chứ?

- Hơi đâu mà giận! - Thiếu phụ trả lời, khóe môi mím lại, đôi mắt nhìn anh không hề khoan nhượng.

- Đàn ông chúng tôi đều đốn mạt hết! - Anh buồn rầu nói rồi bồng cáu lên. - Chị không tha thứ thì mặc kệ chị! Chúng ta là gì ở thế gian này? Trước sau thì tôi cũng chết! Chị cũng chết! Đàn lợn của chị cũng đều chết ráo!

- Anh buồn cười thật. - Cuối cùng thiếu phụ bắt đầu vui lại. - Lúc nãy anh bảo tôi ở một mình trong phòng tập thể có tám mét vuông là vì sao thế?

- Vì sao ư? Vì chị là người đàn bà rất tốt. - Anh nói hơi thiếu tự tin. - Đàn ông không chịu nổi những người bà rất tốt, tâm hồn của người đàn bà phải hơi nhom nhem thì mới sống được. Bao giờ cũng thế. Khi người đàn ông bất lực, thấy những kẻ khác to lớn hơn mình thì họ gây sự, thế thôi.

Thiếu phụ khe khẽ thở dài.

- Chị có tin lời tôi nói hay không?

- Không! - Thiếu phụ lắc đầu. - Đàn ông các anh như trẻ con cả! Cũng giống hệt như đàn lợn của tôi. Khi nào được ăn thì phờn... Cả hai cười phá lên. Dòng sông êm ả tuyệt vời.

- Được trò chuyện với chị thật thích! - Anh thành thực nói. - Chị không giận chứ? Thật tôi ân hận quá chừng...



- Không. - Thiếu phụ trả lời. - Chúng tôi quen rồi. “ Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu...

Anh nhìn đăm đăm vào những xoáy nước hút bên mạn thuyền rồi nói:

- Cuộc sống thật buồn. Nhưng nó giản dị và đẹp Chị thấy thế không?

- Thỉnh thoảng, - thiếu phụ trả lời.

- Được gặp những người đàn bà như chị thật thích. Tất cả đàn ông chúng tôi đều muốn sống mãi, chúng tôi đều sẽ tốt lên.

- Anh nói khéo lắm! - Thiếu phụ cười khẽ, âm thanh giọng cười quyen rũ. - Thế sao lúc này anh bảo nếu tôi có chồng thì chồng tôi sẽ gây sự với tôi?

- Anh ấy sẽ gây sự... - Anh nói sôi nổi và đầy thuyết phục. - Chắc chắn thế! Anh ấy sẽ đau khổ. Anh ấy sẽ sa ngã, sẽ đánh bạc, sẽ nghiện ngập... Anh ấy đuổi theo những người đàn bà không đáng bằng cái gấu quần của chị. Anh ấy thân tàn ma dại! Cái thằng chó ấy! Nó không biết rằng khi nó mất chị thì nó mất cả cuộc đời!

Thiếu phụ hoảng hốt nhìn anh rồi bật òa khóc. Anh sợ hãi. Anh nhìn chăm chú vào khuôn mặt đầy nước mắt của thiếu phụ rồi chậm rãi nói:

- Rồi chị sẽ tha thứ... Phải không... Rồi chị sẽ tha thứ... Mặc dầu chị biết điều ấy cay đắng vô cùng... Anh khế thờ dài rồi thử cử động cái chân. Cái chân không còn đau nữa.

- Anh thật tốt quả... - Lát sau chị nói khẽ.

- Sắp đến bến rồi...

“ Văn chương là thứ bỉ ổi bậc nhất! - Anh cay đắng nghĩ. - Nó gây ra sự nổi loạn trong cuộc đời thường. Cuộc đời trôi đi đơn giản. Day đi dứt lại làm gì?”

- Chị tên là gì? - Anh đột ngột hỏi. - Tôi muốn đến thăm liệu có được không? Tìm chị ở đâu?

- Tôi là Hương. Tôi cập thuyền vào để anh lên nhé. Tôi phải đưa thuyền vào dưới kênh đào. Anh gạt đầu. Nổi buồn tràn ngập lòng anh.

- Chị Hương này! - anh nói khi bước lên bờ. - Ngày xưa có một nữ sĩ tên là Hương đấy. Chị có biết không?

- Có! - Thiếu phụ gạt đầu và vẻ hân hoan ngập tràn trong nắng chiều. - Thế đến bao giờ anh lại thăm tôi?

Anh bước lên bờ mà chẳng trả lời. “ Không. Tôi chẳng bao giờ đến thăm chị cả. - Anh cay đắng nghĩ. - Nếu thế thì rồi mọi việc sẽ nghiêm trọng mất. Tất cả những gì nghiêm trọng dành cho người khác. Tôi là nhà thơ, tôi cũng đòi một chút quyền... Anh bước một mạch lên trên mặt đê mà không ngoảnh lại. Ngày mai anh về thành phố và sẽ bước vào trường quay trong vai Chiêu Hổ. Có tiếng ai gọi vang trên mặt sông nghe rất xa vời, anh chỉ nghe rõ tiếng “ ơ” .

Anh dừng lại, chụm tay hướng xuống dòng sông và cũng trả lời hết sức nồng nhiệt.

- ơ.. ơ!

Anh vừa thu được và vừa đánh mất một buổi chiều rồi. Có hề gì đâu? Thời gian thật là hào phóng. Nhưng mà hãy vì sự hào phóng ấy ta phải sống cho nhanh lên, có ích.

Với cuộc đời này. Không chờ gì cả. Có lẽ ngày xưa chính là Xuân Hương sống thế.